VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

KỶ YẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Kỷ niệm 54 năm ngày thành lập đơn vị tiền thân (9/1961-9/2015)
và 3 năm thành lập Viện Nghiên cứu Lâm sinh (12/2012-12/2015)

(Lưu hành nội bộ)

HÀ NỘI, 2015

VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

KỶ YẾU
VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Kỷ niệm 54 năm ngày thành lập đơn vị tiền thân (9/1961-9/2015)
Và 3 năm thành lập Viện Nghiên cứu Lâm sinh (12/2012-12/2015)
(Lưu hành nội bộ)

HÀ NỘI, 2015

BAN BIÊN TẬP

PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn - Trưởng ban
PGS.TS. Trần Văn Con - Phó Trưởng ban
ThS. Lại Thanh Hải - Ủy viên
KS. Đinh Văn Ba - Thư ký tổng hợp

THAM GIA BIÊN SOẠN

PGS.TS. Trần Văn Con
PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn
ThS. Lại Thanh Hải
KS. Đinh Văn Ba
ThS. Nguyễn Toàn Thắng

XIN Ý KIẾN GÓP Ý

GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Lung, nguyên Trưởng phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
GS.TS. Nguyễn Xuân Quát, nguyên Trưởng phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
TS. Nguyễn Hồng Quân, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
TS. Đào Công Khanh, nguyên Phó Trưởng phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
TS. Nguyễn Bá Chất, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
ThS. Nguyễn Quang Khải, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
KS. Phạm Đình Tam, nguyên Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN
KS. Viên Ngọc Hùng, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
KS. Cao Quang Nghĩa, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
KS. Trần Ngọc Đang, nguyên Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN
KS. Lê Văn Duyệt, nguyên Phó Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN
Ông Nguyễn Thanh Đạm, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh
Bà Nguyễn Thị Êm, nguyên cán bộ Phòng NC Kỹ thuật Lâm sinh

Các phòng chức năng:

- Phòng Tổ chức, Hành chính
- Phòng Kế hoạch, Tài chính

Các bộ môn chuyên môn:

- Bộ môn Kỹ thuật Lâm sinh
- Bộ môn Lâm học
- Bộ môn Điều tra và Quy hoạch rừng
- Bộ môn Tài nguyên Thực vật rừng
- Bộ môn Nông Lâm kết hợp

Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm sinh

MỤC LỤC

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT 4
LỜI GIỚI THIỆU 5

Phần 1. Quá trình hình thành và phát triển 7
1.1. Bối cảnh hình thành 7
1.2. Khái quát lịch sử các đơn vị tiền thân trước năm 2013 7
1.2.1. Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh 8
1.2.2. Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp 11
1.2.3. Phòng Nghiên cứu Tài nguyên Thực vật rừng 12
1.3. Viện nghiên cứu lâm sinh giai đoạn 2013-2015 12
1.3.1. Lãnh đạo Viện 12
1.3.2. Cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc 12
1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Viện Nghiên cứu Lâm sinh 14
1.3.4. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh 16
1.3.5. Các hoạt động KHCN của Viện NC Lâm sinh 18

Phần 2. Kết quả nghiên cứu khoa học 22
2.1. Khái quát các kết quả đã đạt được qua các giai đoạn 22
2.1.1. Giai đoạn 1961-1988 22
2.1.2. Giai đoạn 1989-2012 23
2.1.3. Giai đoạn 2013 - 2015 24
2.2. Các nhiệm vụ đã thực hiện từ năm 2001-2015 25
2.3. Một số thành tựu khoa học nổi bật giai đoạn 2001-2015 34
2.3.1. Về rừng tự nhiên 34
2.3.2. Về rừng trồng 34
2.3.3. Các lĩnh vực nghiên cứu liên quan khác 35
2.3.4. Các ấn phẩm, sản phẩm KHCN giai đoạn 2001-2015 36

Phần 3. Định hướng phát triển của Viện Nghiên cứu Lâm sinh 52
Phần 4. Danh sách cán bộ, viên chức và người lao động 54
4.1. Danh sách CBVC&NLĐ Viện NC Lâm sinh tính đến 31/12/2015 54
4.2. Danh sách CB,VC&NLĐ của các đơn vị tiền thân hoặc đã công tác tại Viện Nghiên cứu Lâm sinh 57

Phần 5. Chân dung cán bộ viên chức và người lao động 63

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

BQL:	Ban Quản lý
CN:	Cử nhân
CBVC&NLD:	Cán bộ viên chức và người lao động
DA:	Dự án
GS:	Giáo sư
GS.TS:	Giáo sư, tiến sỹ
HDKT:	Hướng dẫn kỹ thuật
HST:	Hệ sinh thái
HTQT:	Hợp tác quốc tế
KHCN:	Khoa học công nghệ
KHKT:	Khoa học kỹ thuật
KHLN:	Khoa học lâm nghiệp
KTLS:	Kỹ thuật lâm sinh
KTQP:	Kinh tế quốc phòng
KTV:	Kỹ thuật viên
KS:	Kỹ sư
LSNG:	Lâm sản ngoài gỗ
NC:	Nghiên cứu
NCKT:	Nghiên cứu kỹ thuật
NCKTLS:	Nghiên cứu kỹ thuật lâm sinh
NC&CGKTLS:	Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật lâm sinh
NN&PTNT:	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NXB:	Nhà xuất bản
PGS:	Phó giáo sư
PGS.TS:	Phó Giáo sư, tiến sỹ
PTS:	Phó tiến sỹ
OTC:	Ô tiêu chuẩn
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
ThS:	Thạc sỹ
TS:	Tiến sỹ
TSKH:	Tiến sỹ khoa học
TSTN:	Tái sinh tự nhiên
ƯDKHKTLN:	Ứng dụng khoa học kỹ thuật lâm nghiệp

LỜI GIỚI THIỆU

Viện Nghiên cứu Lâm sinh (Silviculture Research Institute - SRI) được thành lập theo Quyết định số 3126/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trên cơ sở sáp nhập và nâng cấp từ các đơn vị thành viên của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (cũ) có cùng chuyên môn hoặc gần với chuyên môn lâm sinh, gồm: Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp và một phần Phòng Nghiên cứu Tài nguyên Thực vật rừng. Viện Nghiên cứu Lâm sinh là tổ chức sự nghiệp khoa học công lập, trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (mới), có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng được mở tại Kho bạc và Ngân hàng Nhà nước quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội theo quy định của pháp luật.

*Với phương châm "Tôn trọng lịch sử, hướng tới tương lai", nhân dịp kỷ niệm 54 năm thành lập đơn vị tiền thân đầu tiên (9/1961-9/2015) và 3 năm thành lập Viện Nghiên cứu Lâm sinh (12/2012-12/2015), Chi ủy Chi bộ và Ban Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Lâm sinh đã thống nhất biên soạn cuốn Kỷ yếu "**Viện Nghiên cứu Lâm sinh - quá trình hình thành và phát triển**", nhằm giới thiệu lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tóm tắt những thành tựu nổi bật đã đạt được qua các thời kỳ, đồng thời định hướng nghiên cứu trong tương lai.*

Do quá trình thành lập và phát triển của các đơn vị thành viên trước khi sáp nhập và nâng cấp thành Viện Nghiên cứu Lâm sinh có nhiều biến động, thông tin về các thế hệ cán bộ công chức, viên chức đã từng công tác ở các đơn vị tiền thân cũng có nhiều thay đổi qua các giai đoạn, các kết quả nghiên cứu khoa học trong quá khứ cũng không thể tập hợp được một cách đầy đủ và chính xác. Do đó, nội dung cuốn Kỷ yếu chỉ khái quát những đặc điểm và các thành tựu chính của các đơn vị tiền thân, nhất là trong thời gian gần đây, chủ yếu của Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh và Trung tâm Ứng dụng KHKT Lâm nghiệp.

Vì vậy, Ban Biên tập rất mong nhận được sự cảm thông và những ý kiến đóng góp bổ sung của các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động qua các giai đoạn của các đơn vị tiền thân và của Viện Nghiên cứu Lâm sinh hiện nay để cuốn Kỷ yếu được hoàn thiện hơn trong các lần tái bản sau.

Hà Nội, tháng 12 năm 2015

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn

Phần 1
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
(29/9/1961 - 31/12/2015)

1.1. BỐI CẢNH HÌNH THÀNH

Trước những yêu cầu và nhiệm vụ KHCN đặt ra ngày càng cao và quan trọng cho các ngành kinh tế kỹ thuật nói chung và ngành Lâm nghiệp nói riêng, đòi hỏi phải có sự quan tâm đầu tư hơn nữa cho việc phát triển khoa học công nghệ. Vì vậy, ngày 09/9/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 930/2005/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án sắp xếp hệ thống tổ chức khoa học thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam là một trong những đơn vị được xây dựng Đề án rà soát lại chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức để nâng cấp lên hạng đặc biệt. Việc tổ chức lại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam nhằm tập trung sức mạnh, đảm bảo tính chuyên nghiệp, đồng bộ, nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động trong các hoạt động của các đơn vị thành viên, phù hợp với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/NĐ-CP của Chính phủ. Việc sắp xếp lại hệ thống tổ chức của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam được thực hiện dựa trên các cơ sở pháp lý như sau:

- Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định vị trí, chức năng của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

- Quyết định số 1149/QĐ-BNN-TCCB ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

- Quyết định số 3126/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Viện Nghiên cứu Lâm sinh trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp và bộ phận Phân loại thực vật của Phòng Nghiên cứu Tài nguyên Thực vật rừng.

1.2. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ CÁC ĐƠN VỊ TIỀN THÂN TRƯỚC NĂM 2013

Viện Nghiên cứu Lâm sinh hiện nay được hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị (tiền thân) trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, gồm: Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật

Lâm sinh, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp và một phần của Phòng Tài nguyên Thực vật rừng, cụ thể như sau:

1.2.1. Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh

Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh là một phòng chuyên môn trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trước khi được nâng cấp thành Viện hạng đặc biệt (trước tháng 01/2013). Tiền thân của Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh trước khi sáp nhập có thể bắt đầu từ việc hình thành Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm nghiệp, thuộc Viện Khảo cứu Nông Lâm theo Nghị định số 4-NL/NĐ/QT, ngày 23/02/1955 của Bộ Nông Lâm. Năm 1958, Viện Khảo cứu Nông Lâm được hợp nhất với Trường Đại học Nông Lâm thành Học viện Nông Lâm, đến ngày 29/9/1961 Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp được thành lập từ một bộ phận của Học viện. Tuy vậy, chúng tôi thống nhất chọn ngày có Quyết định thành lập Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp là ngày thành lập đơn vị tiền thân đầu tiên của Viện Nghiên cứu Lâm sinh hiện nay, tức là ngày 29 tháng 9 năm 1961. Cùng với sự thăng trầm thay đổi nhiều lần của Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp khởi đầu và Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam hiện nay, quá trình hình thành và phát triển của Viện Nghiên cứu Lâm sinh và các đơn vị tiền thân cũng thăng trầm qua các giai đoạn sau đây:

1.2.1.1. Giai đoạn 1961-1965

Ngày 29/9/1961 Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp được thành lập theo Quyết định của Chính phủ do Kỹ sư Trần Ngũ Phương làm Viện trưởng. Cơ cấu tổ chức của Viện khi mới thành lập có một số khoa chuyên môn và phòng chức năng, trong đó có Khoa Lâm học, có thể xem đây là đơn vị tiền thân đầu tiên của Viện Nghiên cứu Lâm sinh ngày nay. Các hoạt động chủ yếu của Khoa Lâm học là điều tra lâm học, điều tra rừng, điều tra đất trồng rừng. Cơ cấu tổ chức của Khoa Lâm học gồm các tổ và đội sau đây:

- Đội Điều tra Lâm học do CN. Vũ Đức Minh làm Đội trưởng và KS. Nguyễn Ngọc Bình làm Đội phó;

- Tổ Kỹ thuật Lâm sinh do KS. Vương Tấn Nhị phụ trách;

- Tổ Trồng rừng do KS. Lâm Công Định làm Tổ trưởng và KS. Nguyễn Văn Dưỡng làm Tổ phó;

- Tổ Thực vật rừng do GS.TS. Thái Văn Trừng phụ trách.

1.2.1.2. Giai đoạn 1966-1969

Giai đoạn này do Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc ác liệt nên Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp được lệnh đi sơ tán khỏi Hà Nội. Trong giai đoạn này Viện có các khoa và tổ nghiên cứu chuyên đề liên quan đến lĩnh vực lâm sinh như sau:

1/ Khoa Lâm học: Chủ nhiệm khoa là KS. Vương Tấn Nhị, dưới khoa có các tổ và phòng nghiên cứu chuyên đề:

- Tổ Lâm học đại cương, gồm có KS. Nguyễn Ánh Tiếp và KS. Hà Văn Khìn;

- Tổ Lâm học thực nghiệm, gồm có KS. Đặng Văn Đàm và KS. Nguyễn Tử Ưởng;

- Tổ Nghiên cứu đất rừng, gồm có KS. Nguyễn Ngọc Bình, KS. Hoàng Xuân Tý và KS. Đỗ Đình Sâm;

- Tổ Động vật rừng gồm có KS. Trần Ngọc Đang và KS. Bùi Kính;

- Phòng Phân tích đất gồm có bà Phí Thị Kim Chi, bà Nguyễn Thị Huấn và ông Chu Văn Vĩnh.

2/ Khoa Trồng rừng: Chủ nhiệm Khoa là KS. Lâm Công Định, dưới khoa có các Tổ chuyên đề:

- Tổ Trồng rừng gồm có KS. Phạm Văn Tích, KS. Đoàn Bổng, KS. Hoàng Sơn và KS. Nguyễn Thị Chương;

- Tổ Giống cây rừng gồm có KS. Hoàng Chương, KS. Lê Cảnh Huyền và KS. Nguyễn Sỹ Đương;

- Tổ Sâu bệnh hại rừng gồm có KS. Nguyễn Sỹ Giao, KS. Lê Nam Hùng, KS. Nguyễn Văn Đoài và KS. Đoàn Chương.

Cuối năm 1969 Tổ Động vật rừng sáp nhập với Tổ Sâu bệnh hại rừng thành Tổ Bảo vệ Thực vật rừng.

3/ Khoa Điều tra: Chủ nhiệm Khoa là KS. Nguyễn Văn Trương, cơ cấu tổ chức của khoa gồm các tổ:

- Tổ Lập biểu gồm có KS. Vũ Đình Phương, KS. Nguyễn Ngọc Lung và KS. Nguyễn Hồng Quân;

- Tổ Điều tra rừng có KS. Nguyễn Bá Chất.

4/ Khoa Thực vật rừng: GS.TS. Thái Văn Trừng là Phó Viện trưởng kiêm Chủ nhiệm Khoa, cơ cấu tổ chức của khoa gồm các tổ:

- Tổ Phân loại gồm có KS. Trịnh Đình Thanh và KS. Nguyễn Hữu Hiến;

- Tổ Tiêu bản gồm có ông/bà Phạm Nguyên Lạn, bà Nguyễn Thị Vóc và KS. Lê Viết Lộc.

1.2.1.3. Giai đoạn 1970-1971

Giai đoạn này Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp đổi tên thành Viện Lâm nghiệp và chỉ nghiên cứu lĩnh vực lâm sinh là chính, cơ cấu tổ chức có 05 phòng và 01 ban nghiệp vụ, 03 khoa nghiên cứu, 04 trạm thực nghiệm và 03 điểm nghiên cứu. Các khoa nghiên cứu trực thuộc Viện Lâm nghiệp lúc đó là đơn vị tiền thân của Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh, gồm:

- Khoa Điều tra rừng do KS. Vũ Đình Phương phụ trách;

- Khoa Lâm học do KS. Vương Tấn Nhị phụ trách;

- Khoa Trồng rừng do KS. Nguyễn Văn Đoài và KS. Từ Như Ảnh phụ trách.

1.2.1.4. Giai đoạn 1972-1981

Giai đoạn này, các hoạt động nghiên cứu lâm nghiệp được tách riêng thành 3 lĩnh vực chủ yếu là: Lâm sinh, Công nghiệp rừng và Kinh tế lâm nghiệp. Đảm nhận chức năng nghiên cứu các lĩnh vực này là 3 viện: Viện Lâm nghiệp, Viện Công nghiệp rừng (1974), Viện Kinh tế Lâm nghiệp (1981). Các đơn vị trực thuộc Viện Lâm nghiệp lúc đó là đơn vị tiền thân của Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh, bao gồm:

- Bộ môn Tăng trưởng rừng do KS. Vũ Đình Phương phụ trách;
- Bộ môn Điều tra rừng do KS. Nguyễn Văn Trương phụ trách;
- Bộ môn Trồng rừng do KS. Nguyễn Xuân Quát phụ trách;
- Bộ môn Khí tượng thủy văn rừng do KS. Bùi Ngạnh phụ trách;
- Bộ môn Lâm học do KS. Vương Tấn Nhị phụ trách;
- Tổ chuyên đề Bồ đề do GS.TS. Thái Văn Trừng phụ trách;
- Phân viện Nghiên cứu Lâm nghiệp Cúc Phương có 6 bộ môn sau đây:
    * Bộ môn Phân loại thực vật do KS. Trịnh Đình Thanh phụ trách;
    * Bộ môn Địa Thực vật do CN. Đặng Thịnh Miên phụ trách;
    * Bộ môn Điều tra rừng do KS. Hoàng Đình Bá phụ trách;
    * Bộ môn Đất rừng do KS. Nguyễn Xuân Quát kiêm phụ trách;
    * Bộ môn Sinh lý thực vật do KS. Ngô Ngọc Tám phụ trách;
    * Bộ môn Khí hậu thủy văn rừng do KS. Bùi Ngạnh kiêm phụ trách.

1.2.1.5. Giai đoạn 1982-1988

Giai đoạn này cơ cấu tổ chức của Viện Lâm nghiệp gồm có 06 phòng nghiệp vụ, 10 phòng nghiên cứu, 05 trại thực nghiệm, 01 trạm nghiên cứu thực nghiệm, 01 trung tâm ứng dụng và 02 phân viện. Trong 10 phòng nghiên cứu trực thuộc Viện Lâm nghiệp có 04 phòng nghiên cứu là các đơn vị tiền thân của Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh, gồm:

- Phòng Nghiên cứu Khí tượng Thủy văn rừng, KS. Bùi Ngạnh là Trưởng phòng;

- Phòng Nghiên cứu Trồng rừng, GS.PTS. Nguyễn Xuân Quát là Trưởng phòng và KS. Đoàn Bổng là Phó Trưởng phòng;

- Phòng Nghiên cứu Rừng tự nhiên, PGS. Vũ Đình Phương là Trưởng phòng và PGS.PTS. Nguyễn Ngọc Lung là Phó Trưởng phòng;

- Phòng Nghiên cứu Nông Lâm kết hợp, KS. Nguyễn Ngọc Bình là Trưởng phòng.

1.2.1.6. Giai đoạn 1989-2012

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 137/HĐBT, ngày 30 tháng 8 năm 1988 của Hội đồng Bộ Trưởng (nay là Chính phủ) trên cơ sở hợp nhất 3 Viện: Viện Lâm nghiệp, Viện Công nghiệp rừng và Viện Kinh tế Lâm nghiệp. Cơ

cấu tổ chức của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam lúc đó có 07 phòng chức năng, 09 phòng Nghiên cứu, 03 trung tâm chuyên đề, 02 trung tâm ứng dụng, 08 trung tâm vùng, và 01 xí nghiệp Chế biến hạt Điều.

Trong đó, Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Lâm sinh là 1 trong 3 đơn vị tiền thân của Viện Nghiên cứu Lâm sinh hiện nay, được thành lập trên cơ sở hợp nhất các Phòng Nghiên cứu Trồng rừng, Phòng Nghiên cứu Rừng tự nhiên và Phòng Nghiên cứu Nông Lâm kết hợp. Lúc đầu do PGS. Vũ Đình Phương và GS.TS. Nguyễn Xuân Quát phụ trách, sau đó GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Lung và GS.TS. Nguyễn Xuân Quát phụ trách. Tiếp theo GS.TS. Nguyễn Xuân Quát là Trưởng phòng, TS. Trần Quang Việt và TS. Đào Công Khanh là Phó Trưởng phòng. Sau khi GS.TS. Nguyễn Xuân Quát nghỉ hưu (1997) thì TS. Trần Quang Việt là Trưởng phòng đến khi nghỉ hưu (tháng 7/2003), TS. Đào Công Khanh là Phó Trưởng phòng và chuyển công tác lên BQL các Dự án Lâm nghiệp (năm 2000), TS. Nguyễn Huy Sơn là Phó Trưởng phòng từ 2/2001-2/2006 thì chuyển công tác. Từ tháng 8/2003 đến 12/2012, TS. Trần Văn Con giữ chức vụ Trưởng phòng thay TS. Trần Quang Việt, giai đoạn này có 03 Phó Trưởng phòng, gồm: TS. Đặng Văn Thuyết (9/2001-11/2006), ThS. Trần Lâm Đồng (11/2007-12/2012), TS. Phan Minh Sáng (10/2011-12/2012).

1.2.2. Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp

Tiền thân đầu tiên của Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp (ƯDKHKTLN) là Xưởng Chế tạo Công cụ mẫu (Trực thuộc Viện Lâm nghiệp), được thành lập theo Quyết định số 1011/TCCB ngày 26 tháng 9 năm 1983 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Ngày 17/01/1986, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp ra Quyết định đổi tên Xưởng Chế tạo Công cụ mẫu thành Trung tâm Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật lâm nghiệp, trực thuộc Viện Lâm nghiệp và ngày 15/5/1990 được đổi tên thành Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 73/TCCB của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Ban Lãnh đạo từ khi thành lập Trung tâm đến khi sáp nhập thành lập Viện Nghiên cứu Lâm sinh (12/2012) qua các giai đoạn phát triển như sau:

- Giai đoạn từ tháng 01/1986 đến tháng 11/1989, KS. Phạm Khôi Khoa là Giám đốc và KS. Lê Văn Duyệt là Phó Giám đốc;

- Giai đoạn từ tháng 12/1989 đến tháng 6/2003, KS. Trần Ngọc Đang là Quyền Giám đốc và Giám đốc, KS. Lê Văn Duyệt và KS. Phạm Đình Tam là Phó Giám đốc;

- Giai đoạn từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2007, KS. Phạm Đình Tam làm Giám đốc, ThS. Lại Thanh Hải là Phó Giám đốc từ tháng 3/2007 đến tháng 12/2007 và ThS. Đặng Quang Hưng được bổ nhiệm Phó Giám đốc từ tháng 11/2007.

- Giai đoạn từ tháng 1/2008 đến tháng 12/2012, ThS. Lại Thanh Hải là Phó Giám đốc phụ trách và Giám đốc, ThS. Đặng Quang Hưng là Phó Giám đốc đến tháng 3/2011 thì chuyển về là Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ.

1.2.3. Phòng Nghiên cứu Tài nguyên Thực vật rừng

Tháng 8/1988 Phòng Nghiên cứu Tài nguyên Thực vật rừng được thành lập, trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Giai đoạn đầu do TS. Nguyễn Đình Hưng là Trưởng phòng đến khi nghỉ hưu; tiếp theo KS. Nguyễn Tử Ưởng là Trưởng phòng đến khi nghỉ hưu, ThS. Đỗ Văn Bản là Phó Trưởng phòng (02/2001-12/2002). Tiếp theo, ThS. Đỗ Văn Bản là Phó Trưởng phòng phụ trách (01/2003-10/2009), ThS. Lê Thu Hiền là Phó Trưởng phòng (3/2006-7/2010) và sau đó chuyển công tác. Từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2012, ThS. Đỗ Văn Bản là Trưởng phòng, TS. Nguyễn Tử Kim là Phó Trưởng phòng (10/2011-12/2012).

Khi Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức lại và nâng cấp thành Viện hạng đặc biệt, có ba cán bộ có chuyên môn về phân loại thực vật rừng của Phòng được điều chuyển về Viện Nghiên cứu Lâm sinh để thành lập Bộ môn Tài nguyên Thực vật rừng.

1.3. VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH GIAI ĐOẠN 2013-2015

1.3.1. Lãnh đạo Viện

Theo cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Lâm sinh được quy định tại Quyết định số 3126/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo viện có Viện trưởng và 03 Phó Viện trưởng. Cho đến nay ban lãnh đạo Viện Nghiên cứu Lâm sinh đã được bổ nhiệm, gồm:

- PGS.TS. Trần Văn Con, Quyền Viện trưởng từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/5/2014 thì nghỉ quản lý theo quy định về tuổi;

- PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn là Viện trưởng từ 01/6/2014 đến nay;

- Các Phó viện trưởng:

* TS. Phan Minh Sáng (từ 01/4/2013 đến nay);

* ThS. Lại Thanh Hải (từ 01/4/2013 đến nay);

* TS. Trần Lâm Đồng (từ 01/02/2015 đến nay).

Ghi chú: *TS. Phan Minh Sáng đi thực tập sinh 3 năm tại Australia kể từ tháng 3/2014 đến tháng 12/2016.*

1.3.2. Cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc

Cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Lâm sinh có 02 phòng chức năng, 05 bộ môn và 01 trung tâm nghiên cứu chuyển giao kỹ thuật lâm sinh, cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc cụ thể như sau:

1.3.2.1. Các Phòng chức năng

- *Phòng Tổ chức, Hành chính*: Phòng Tổ chức, Hành chính có 04 người (xem danh sách phần 4), trong đó có 01 Trưởng phòng và 03 nhân viên, chưa có Phó Trưởng phòng. Từ khi thành lập (01/3/2013) ThS. Trần Đức Mạnh là Trưởng phòng, đến 31/7/2014 thì

chuyển về làm Trưởng Bộ môn Lâm học. KS. Đinh Văn Ba là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm sinh được điều chuyển về làm Trưởng phòng từ ngày 01/8/2014 đến nay.

- *Phòng Kế hoạch, Tài chính*: Phòng Kế hoạch, Tài chính có 06 người (xem danh sách phần 4), trong đó có 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 03 nhân viên. ThS. Nguyễn Toàn Thắng là Trưởng phòng từ khi thành lập (01/3/2013) đến nay, từ ngày 01/4/2014 bổ nhiệm ThS. Cao Chí Khiêm là Phó Trưởng phòng cho đến nay. CN. Đỗ Văn Thọ là Kế toán trưởng của Viện từ khi thành lập (01/01/2013) đến ngày 30/6/2014 thì được điều chuyển về làm Kế toán trưởng và Trưởng phòng tổng hợp của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh. CN. Trần Thị Minh Nguyệt được chuyển từ Ban Tài chính, Kế toán của Viện KHLN Việt Nam về làm Kế toán trưởng từ ngày 01/7/2014 và bổ nhiệm làm Phó Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính từ ngày 01/6/2015 đến nay.

1.3.2.2. Các bộ môn chuyên môn

- *Bộ môn Lâm học*: Tổng số có 08 cán bộ (xem danh sách phần 4), do PGS.TS. Trần Văn Con Quyền Viện trưởng kiêm phụ trách từ khi thành lập đến ngày 31/7/2014; ThS. Trần Đức Mạnh là Trưởng Bộ môn từ ngày 01/8/2014 đến 31/01/2015; ThS. Phạm Quang Tuyến được giao phụ trách Bộ môn từ ngày 01/02/2015, và chính thức có Quyết định là Phó Trưởng Bộ môn phụ trách Bộ môn từ 01/6/2015 đến nay.

- *Bộ môn Kỹ thuật Lâm sinh*: Tổng số có 07 cán bộ (xem danh sách phần 4), do TS. Đặng Thịnh Triều là Trưởng Bộ môn từ khi thành lập đến nay;

- *Bộ môn Nghiên cứu Điều tra và Quy hoạch rừng*: Tổng số có 10 cán bộ (xem danh sách phần 4), do TS. Lưu Cảnh Trung làm Phó Trưởng Bộ môn phụ trách Bộ môn từ khi thành lập đến nay;

- *Bộ môn Tài nguyên Thực vật rừng*: Tổng số có 05 cán bộ (xem danh sách phần 4), do ThS. Hoàng Thanh Sơn làm Phó Trưởng Bộ môn phụ trách Bộ môn từ khi thành lập đến nay;

- *Bộ môn Nông lâm kết hợp*: Tổng số có 06 cán bộ (xem danh sách phần 4), do TS. Hoàng Văn Thắng làm Trưởng Bộ môn từ khi thành lập đến ngày tháng 9/2014 thì chuyển công tác lên Ban Kế hoạch Khoa học của Viện KHLN Việt Nam. Tiếp theo, TS. Trần Lâm Đồng được bổ nhiệm làm Trưởng Bộ môn từ ngày 01/10/2014 đến 31/01/2015 thì được bổ nhiệm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Lâm sinh từ ngày 01/02/2015 đến nay; ThS. Phạm Đình Sâm được giao nhiệm vụ phụ trách Bộ môn từ 01/02/2015 và chính thức có Quyết định là Phó Trưởng Bộ môn phụ trách Bộ môn từ 01/6/2015 đến nay.

1.3.2.3. Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh

Tổng số có 14 cán bộ (xem danh sách phần 4), KS. Đinh Văn Ba là Giám đốc từ ngày 01/4/2013 đến ngày 31/7/2014 thì chuyển về làm Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính. ThS. Lại Thanh Hải, Phó Viện trưởng được giao kiêm Giám đốc Trung tâm từ 01/8/2014 đến 31/01/2015. Tiếp theo, ThS. Trần Đức Mạnh là Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm từ

ngày 01/02/2015 đến tháng 10/2015 và chính thức được bổ nhiệm Giám đốc từ ngày 01/11/2015 đến nay, ThS. Bùi Kiều Hưng được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Trung tâm từ 01/8/2015 đến nay. Các đơn vị trực thuộc gồm:

- Phòng Tổng hợp: KS. Lê Thị Bích Thảo là Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng từ khi thành lập (01/5/2013) đến 31/8/2014. CN. Đỗ Văn Thọ là Trưởng phòng từ ngày 01/9/2014 đến nay và là Kế toán trưởng của Trung tâm từ ngày thành lập (01/01/2013) đến nay;

- Phòng Nghiên cứu và Ứng dụng kỹ thuật lâm sinh do ThS. Bùi Kiều Hưng làm Trưởng phòng từ khi thành lập (01/5/2013) đến 31/7/2015; ThS. Trần Đức Mạnh là Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm (và là Giám đốc từ tháng 11/2015) kiêm Trưởng phòng từ 01/8/2015 đến nay;

- Phòng Chuyển giao Công nghệ do KS. Trần Ngọc Tuệ làm Trưởng phòng từ khi thành lập (01/5/2013) đến nay;

- Trạm Thực nghiệm lâm nghiệp Tân Lạc (Hòa Bình) tạm giao ThS. Phạm Đôn quản lý điều hành từ 01/10/2013 đến 31/7/2015; ThS. Bùi Kiều Hưng là Phó Giám đốc Trung tâm kiêm Trạm trưởng từ ngày 01/8/2015 đến nay.

1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Viện Nghiên cứu Lâm sinh

Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Lâm sinh được quy định tại Quyết định số 3126/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1.3.3.1. Vị trí và chức năng

- Viện Nghiên cứu Lâm sinh là đơn vị sự nghiệp khoa học công lập, trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, có chức năng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, tư vấn dịch vụ và sản xuất kinh doanh về lĩnh vực lâm sinh trong phạm vi cả nước.

- Viện Nghiên cứu Lâm sinh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản riêng được mở tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở chính của Viện Nghiên cứu Lâm sinh nằm trong khu nhà 7 tầng của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Địa chỉ: phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

- Ngoài ra, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật Lâm sinh (thuộc Viện Nghiên cứu Lâm sinh) có trụ sở tại số 365 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội và Trạm Thực nghiệm lâm nghiệp Tân Lạc (xã Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình).

1.3.3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng chiến lược dài hạn, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm, các chương trình, dự án về khoa học công nghệ trong lĩnh vực lâm sinh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Nghiên cứu cơ bản có định hướng và nghiên cứu ứng dụng tổng hợp về các lĩnh vực lâm sinh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a. Cơ sở lâm học của các đối tượng rừng tự nhiên, rừng trồng và hệ thống nông lâm kết hợp;

b. Lựa chọn cây trồng phù hợp với lập địa, cho năng suất cao và bền vững cho trồng mới, phục hồi và cải tạo các loại rừng và hệ thống nông lâm kết hợp;

c. Kỹ thuật hạt giống, vườn ươm và cây con lâm nghiệp;

d. Xây dựng và phát triển các công nghệ và kỹ thuật trồng mới, cải tạo, xúc tiến tái sinh tự nhiên, làm giàu và khai thác rừng;

e. Kỹ thuật sử dụng phân bón và chế phẩm sinh học phục vụ cho nâng cao năng suất, chất lượng và tính bền vững của các loại rừng trồng và hệ thống nông lâm kết hợp;

f. Quản lý lập địa nhằm nâng cao năng suất, giá trị kinh tế, môi trường và tính bền vững của rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp;

g. Điều tra tài nguyên rừng, mô hình hóa sinh trưởng, sản lượng và quy hoạch, quản lý rừng;

h. Công nghệ viễn thám và GIS trong điều tra, sản lượng, quy hoạch và quản lý rừng;

i. Các công nghệ và kỹ thuật bao gồm sinh học phân tử để phân loại thực vật và xác định đa dạng thực vật rừng;

j. Xây dựng, phát triển các giải pháp duy trì đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển tài nguyên thực vật rừng;

k. Cơ sở khoa học, kỹ thuật và ứng dụng cho xây dựng và phát triển bền vững các hệ thống nông lâm kết hợp;

l. Phát triển nhiên liệu sinh học và năng lượng sinh khối bằng cây lâm nghiệp;

m. Phát triển cây xanh đô thị và cảnh quan, môi trường.

3. Tham gia đào tạo tiến sĩ và liên kết đào tạo thạc sĩ, bồi dưỡng nguồn nhân lực về khoa học và công nghệ lâm sinh, điều tra và quy hoạch rừng theo quy định của pháp luật;

4. Thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ lâm sinh vào sản xuất; triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ của Viện theo quy định của pháp luật;

5. Xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật lâm sinh;

6. Hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân về lĩnh vực lâm sinh theo quy định của pháp luật

7. Tổ chức sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm và công nghệ lâm sinh, các sản phẩm phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện theo quy định của pháp luật.

8. Tư vấn đầu tư, thẩm định, thiết kế, thi công và giám sát các công trình lâm sinh, cây xanh đô thị và cảnh quan môi trường, các loại vườn ươm, nhà lưới, nhà kính, vườn sưu tập thực vật, giám định thực vật, nhiên liệu sinh học và năng lượng sinh khối theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học kỹ thuật liên quan đến Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý nguồn nhân lực, kinh phí, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

11. Quyết định việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và đề nghị Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam cử cán bộ ra nước ngoài công tác, học tập theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

1.3.3.3. Nguồn lực của Viện Nghiên cứu Lâm sinh

- *Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động*:

Tính đến 30/9/2015, tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Viện Nghiên cứu Lâm sinh có 65 người. Trong đó, có 45 cán bộ thuộc biên chế 2A, 06 cán bộ thuộc biên chế 2B và 14 cán bộ hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Ngoài ra, có 02 người là lao động hợp đồng làm công việc phục vụ theo thời vụ không tính vào số lượng biên chế của Viện (01 tạp vụ và 01 bảo vệ cơ quan).

- *Phân theo trình độ bằng cấp*:

+ Phó Giáo sư, tiến sĩ: 02 người;
+ Tiến sĩ: 07 người;
+ Thạc sĩ: 31 người (9 Thạc sĩ đang làm nghiên cứu sinh);
+ Đại học: 19 người (6 Đại học đang đào tạo cao học);
+ Cao đẳng: 01 người;
+ Lái xe: 02 người;
+ Bảo vệ: 01 người.

1.3.4. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh

1.3.4.1. Vị trí và chức năng

- Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh, trực thuộc Viện Nghiên cứu Lâm sinh, được thành lập trên cơ sở tổ chức lại từ Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp. Là tổ chức sự nghiệp khoa học công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm có chức năng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tham gia đào tạo, hợp tác quốc tế; dịch vụ tư vấn và sản xuất kinh doanh về lĩnh vực lâm sinh.

- Trụ sở chính của Trung tâm đóng tại số 365 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

1.3.4.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1/ Nhiệm vụ của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh theo quy định tại Quyết định số 149/QĐ-KHLN-TCCB ngày 01/4/2013 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu ứng dụng tổng hợp về lâm sinh bao gồm:

* Lựa chọn loài cây trồng, kỹ thuật trồng phù hợp;

* Phát triển các kỹ thuật trồng mới, cải tạo, trồng bổ sung làm giàu rừng, xúc tiến tái sinh tự nhiên và khai thác rừng;

* Quản lý lập địa rừng trồng;

* Xây dựng các giải pháp duy trì đa dạng sinh học thực vật, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thực vật rừng;

* Xây dựng và phát triển bền vững các hệ thống nông lâm kết hợp;

* Kỹ thuật phát triển cây xanh đô thị và cảnh quan môi trường.

- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ lâm sinh vào sản xuất, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ; triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

- Tham gia hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; liên kết đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về khoa học và công nghệ lâm sinh theo quy định của pháp luật.

- Tham gia xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật lâm sinh theo nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

- Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm và công nghệ lâm sinh, nông lâm kết hợp, các sản phẩm phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật.

- Tư vấn lập dự án, giám sát, thẩm tra hồ sơ thiết kế các dự án lâm sinh, lâm nghiệp đô thị; thiết kế và thi công các công trình lâm sinh, lâm nghiệp đô thị, cảnh quan môi trường, năng lượng sinh khối theo quy định của pháp luật.

- Quản lý nguồn nhân lực, kinh phí, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Viện trưởng Viện Nghiên cứu Lâm sinh, Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

2/ Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức khoa học công nghệ công lập quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ và Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.3.5. Các hoạt động KHCN của Viện NC Lâm sinh

1.3.5.1. Tóm tắt hoạt động KHCN giai đoạn 2013-2015

- Năm 2013 là năm đầu tiên hoạt động theo cơ cấu tổ chức mới (Viện Nghiên cứu Lâm sinh), phần lớn thời gian tập trung sắp xếp tổ chức và giải quyết các tồn tại của các đơn vị thành viên, kiểm kê và bàn giao. Năm 2013 toàn Viện hoạt động với 17 đề tài/nhiệm vụ (bảng 1.1). Các nhiệm vụ khoa học hầu hết là kế thừa từ các đơn vị thành viên theo kế hoạch 5 năm (2011-2015). Tổng kinh phí hoạt động trong toàn Viện, kể cả kinh phí sự nghiệp và hoạt động bộ máy đạt ≈ 11.967 triệu đồng

Bảng 1.1. Số lượng nhiệm vụ và kinh phí hoạt động từ 2013-2015 của Viện NC Lâm sinh

Năm	Thường xuyên *(tr.đồng)*	Số lượng nhiệm vụ						Tổng kinh phí/năm *(tr.đồng)*
		Tổng số	Cấp NN	Cấp Bộ	Cấp tỉnh	Các dự án	Hợp đồng	
2013	2.657	17	04	02	02	02	07	11.967
2014	2.756	31	05	09	02	03	12	20.714
2015	2.868	33	05	08	03	07	10	30.079

- Năm 2014 là năm thứ hai vận hành theo cơ cấu tổ chức mới và có nhiều sự thay đổi, nhất là về nhân sự: PGS.TS. Trần Văn Con nghỉ quản lý theo chế độ, PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn được điều động từ Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản Ngoài gỗ về làm Viện trưởng. TS. Phan Minh Sáng, Phó Viện trưởng, đi thực tập sinh dài hạn tại Australia từ 3/2014. TS. Trần Lâm Đồng làm tiến sĩ ở Australia về nước vào tháng 2/2014, tiếp tục được cử đi học Cao cấp lý luận chính trị tập trung từ tháng 9/2014 - 5/2015. TS. Trần Văn Đô xin gia hạn thực tập sinh và giảng dạy đại học tại Nhật Bản. TS. Hoàng Văn Thắng được điều động lên Ban Kế hoạch Khoa học của Viện KHLN Việt Nam. ThS. Nguyễn Hoàng Tiệp mới học Thạc sĩ ở Australia về được điều động lên Ban Đào tạo và HTQT. Ngoài ra, trong nội bộ Viện cũng đã điều động và bổ nhiệm 6 vị trí cán bộ chủ chốt, luân chuyển và điều động cán bộ cho 9 trường hợp, kể cả vị trí kế toán trưởng của Viện Nghiên cứu Lâm sinh và Trung tâm NC và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh. Tuy nhiên, các nhiệm vụ khoa học kể cả của các năm trước chuyển sang và nhiệm vụ mới được giao năm 2014 tăng lên tới 31 nhiệm vụ. Trong đó, có 05 đề tài/nhiệm vụ cấp Nhà nước, 09 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ, 02 đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh, 03 dự án HTQT, Khuyến nông khuyến lâm, thiết bị, sửa chữa nhỏ và 12 Hợp đồng dịch vụ. Kết quả nghiệm thu cuối năm đều đạt yêu cầu và đảm bảo tiến độ. Tổng kinh phí hoạt động của toàn Viện kể cả kinh phí sự nghiệp hoạt động bộ máy năm 2014 đạt ≈ 20.714 triệu đồng (bảng 1.1).

- Năm 2015, Viện Nghiên cứu Lâm sinh đã ổn định về mặt tổ chức, các vấn đề tồn đọng của quá trình sáp nhập gần như đã giải quyết xong, các bộ phận trực thuộc đã có ít nhất 1 cán bộ phụ trách chính thức (trừ Trạm Thực nghiệm Tân lạc, Hòa Bình), đồng thời đã bổ nhiệm thêm 01 Phó Viện trưởng từ tháng 02/2015 (TS. Trần Lâm Đồng). Ngoài ra, đã bổ sung thêm 01 tiến sỹ mới được đào tạo từ CHLB Đức về tháng 10/2015 (TS. Nguyễn Văn Thịnh). Đặc

biệt, các nhiệm vụ khoa học công nghệ vẫn duy trì ở mức cao, toàn viện có 33 nhiệm vụ. Trong đó, có 05 đề tài/dự án cấp Nhà nước, 08 đề tài/dự án cấp Bộ, 03 đề tài/dự án cấp tỉnh, 07 nhiệm vụ Hợp tác quốc tế và các nhiệm vụ khác, 10 Hợp đồng dịch vụ khoa học (bảng 1.1). Tuy nhiên, năm 2015 là năm cuối của kế hoạch 5 năm (2011-2015) nên có một số đề tài sẽ kết thúc vào cuối năm và cũng sẽ có một số đề tài được bổ sung thực hiện vào đầu năm 2016. Tổng kinh phí hoạt động của toàn Viện kể cả kinh phí sự nghiệp và hoạt động bộ máy năm 2015 đạt ≈ 30.079 triệu đồng (bảng 1.1).

1.3.5.2. Các nhiệm vụ KHCN năm 2015

Tính đến 31/12/2015 Viện Nghiên cứu Lâm sinh đã thực hiện 33 nhiệm vụ, với tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học (không kể kinh phí thường xuyên) là 27.211 triệu đồng. Trong đó, khối văn phòng viện là 25.802 triệu và Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao KTLS là 2.409 triệu đồng. Nếu tính cả kinh phí thường xuyên (lương và kinh phí hoạt động bộ máy) là 30.079 triệu đồng. Trong đó, văn phòng Viện là 26.980 triệu và Trung tâm NC&CGKTLS là 3.099 triệu (bảng 1.2).

Bảng 1.2. Các nhiệm vụ thực hiện năm 2015

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Thời gian thực hiện
I	**Đề tài/nhiệm vụ cấp Nhà nước**		
1	Nghiên cứu các giải pháp tổng hợp phục hồi và quản lý hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn ở Tây Nguyên	PGS.TS. Trần Văn Con	2013-2015
2	Nghiên cứu kỹ thuật trồng cây Xoan nhừ (*Choerospondias axillaris*) cung cấp gỗ lớn tại các tỉnh miền núi phía Bắc	ThS. Lại Thanh Hải	2012-2017
3	Khai thác và phát triển nguồn gen giống Quế thanh hóa *(Cinnamomum cassia)* có năng suất và chất lượng tinh dầu cao	TS. Lưu Cảnh Trung	2013-2016
4	Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp tiên tiến trong đánh giá tiềm năng tích lũy sinh khối của một số hệ sinh thái rừng chính tại Việt Nam	TS. Trần Văn Đô	2014-2016
5	Nghiên cứu đánh giá diễn thế phục hồi hệ sinh thái rừng và đề xuất giải pháp bảo tồn tại khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai	TS. Trần Lâm Đồng	2015-2018
II	**Đề tài trọng điểm cấp Bộ**		
1	Nghiên cứu đặc điểm lâm học của một số hệ sinh thái rừng tự nhiên chủ yếu ở Việt Nam	PGS.TS. Trần Văn Con	2011-2015
2	Nghiên cứu phát triển 2 loài Vối thuốc *(Schima wallichii* Choisy và *Schima superba* Gardn. Et Champ)	TS. Đặng Thịnh Triều	2012-2016
3	Nghiên cứu hệ thống các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh keo lai, Keo tai tượng và Keo lá tràm cung cấp gỗ lớn trên đất trồng mới	PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn	2015-2019
4	Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chuyển hóa rừng cung cấp gỗ nhỏ thành rừng cung cấp gỗ lớn các loài keo lai và Keo tai tượng	TS. Trần Lâm Đồng	2015-2018

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Thời gian thực hiện
5	Tiêu chuẩn rừng trồng - Keo tai tượng - Yêu cầu kỹ thuật	TS. Đặng Văn Thuyết	2014-2015
6	Tiêu chuẩn rừng trồng - Keo lai - Yêu cầu kỹ thuật	ThS. Trần Đức Mạnh	2014-2015
7	Tiêu chuẩn rừng trồng - Bạch đàn lai - Yêu cầu kỹ thuật	TS. Lưu Cảnh Trung	2014-2015
8	Tiêu chuẩn rừng trồng - Chuyển hóa rừng trồng cung cấp gỗ lớn - Yêu cầu kỹ thuật	PGS.TS. Trần Văn Con	2014-2015
III	**Đề tài cấp tỉnh**		
1	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật trồng rừng trên đất bán ngập khu vực lòng hồ thủy điện Tuyên Quang (văn phòng Viện)	ThS. Bùi Thanh Hằng	2012-2016
2	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển loài Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus* H.T.Tsai et K.M.Feng) ở các xã vùng cao huyện Mường Tè (văn phòng Viện)	ThS. Phạm Quang Tuyến	2014-2017
3	Phát triển mô hình thâm canh cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulate*) cho năng suất cao tại Ba Vì, Hà Nội (Trung tâm NC&CGKTLS)	ThS. Bùi Kiều Hưng	-
IV	**Hợp tác quốc tế**		
1	Khai thác rừng dựa vào cộng đồng cho giảm nghèo ở Việt Nam (FAO)	PGS.TS. Trần Văn Con; TS. Lưu Cảnh Trung	2014-2015
2	Hội thảo quốc tế xây dựng chiến lược nghiên cứu quản lý rừng trồng bền vững (CSIRO)	TS.Trần Lâm Đồng	2015
3	Tối đa hóa năng suất và lợi nhuận của rừng trồng Bạch đàn và Keo ở Indonesia và Việt Nam (ACIAR FST/2014/064)	TS. Trần Lâm Đồng	2015-2019
V	**Nhiệm vụ khuyến nông**		
1	Phục hồi rừng Luồng thoái hóa	TS. Đặng Thịnh Triều	2013-2015
2	Mô hình thâm canh rừng kinh tế bằng một số giống Keo tai tượng và Keo lai tại 9 tỉnh (Văn phòng Viện)	ThS. Lại Thanh Hải; ThS. Phạm Đình Sâm	2014-2016
3	Mô hình thâm canh rừng kinh tế bằng một số giống Keo tai tượng và keo lai tại 2 tỉnh Hòa Bình, Tuyên Quang (Trung tâm NC&CGKTLS)	ThS. Trần Đức Mạnh	2014-2016
VI	**Nhiệm vụ khác**		
1	Điều tra kiểm kê rừng tỉnh Tuyên Quang	TS. Lưu Cảnh Trung	2014-2015
2	Nâng cao năng lực kinh tế cho phụ nữ xã Xà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu thông qua việc khai thác và sử dụng hiệu quả dầu hạt Sở hiện có tại địa phương	KS. Hoàng Thị Nhung	2014-2015

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Thời gian thực hiện
VII	**Hợp đồng dịch vụ khoa học**		
1	*Văn phòng Viện*		
1.1	Hợp đồng với Viện KHLN Việt Nam thực hiện Đề tài "Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để phát triển trồng rừng cung cấp gỗ lớn các loài Keo tai tượng, Keo lá tràm và Bạch đàn trên lập địa sau khai thác ít nhất hai chu kỳ tại một số vùng trồng rừng tập trung" (Đề tài do GS.TS. Võ Đại Hải làm chủ nhiệm)	TS. Trần Lâm Đồng	2014-2018
1.2	Hợp đồng viết chuyên đề cây Sở (Đề tài TS. Hoàng Văn Thăng)	ThS. Phạm Đình Sâm	2015
1.3	Hợp đồng tư vấn kiểm kê rừng tỉnh Vĩnh Phúc	TS. Lưu Cảnh Trung	2015
2	*Trung tâm NC&CGKTLS*		
2.1	Tập huấn khuyến Lâm (TOT) cấp Trung ương về phương pháp khuyến nông chuyên ngành	ThS. Bùi Kiều Hưng	2015
2.2	Biên soạn tài liệu khuyến Lâm về chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng cung cấp gỗ lớn	ThS. Bùi Kiều Hưng	2015
2.3	Xây dựng 04 ha vườn giống thế hệ 2 bạch đàn và keo của Viện NC Giống và Công nghệ sinh học	ThS. Trần Đức Mạnh	2015-2019
2.4	Tập huấn khuyến lâm thuộc DA Bảo vệ phát triển rừng vành đai biên giới khu KTQP Bắc Sơn Hải (Quảng Ninh)	ThS. Phạm Đôn	2015
2.5	Tập huấn khuyến lâm thuộc DA Bảo vệ phát triển rừng vành đai biên giới khu KTQP Bình Liêu-Quảng Hà-Móng Cái (Quảng Ninh)	ThS. Phạm Đôn	2015
2.6	Thiết kế hồ sơ dự toán DA bảo vệ và phát triển rừng vành đai biên giới khu KTQP Bình Liêu-Quảng Hà-Móng Cái (Quảng Ninh)	ThS. Phạm Đôn	2015
2.7	Thiết kế hồ sơ dự toán DA bảo vệ và phát triển rừng vành đai biên giới khu KTQP Hải Sơn (Quảng Ninh)	ThS. Phạm Đôn	2015
VIII	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên năm 2015: 2.868 triệu đồng**		
	- Văn phòng Viện: 2.178 triệu đồng		
	- Trung tâm NC&CGKTLS: 690 triệu đồng		
Tổng kinh phí hoạt động của toàn Viện năm 2015: 30.079 triệu đồng Trong đó: - Văn phòng Viện: 26.980 triệu đồng - Trung tâm NC&CGKTLS: 3.099 triệu đồng			

Phần 2
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.1. KHÁI QUÁT CÁC KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC QUA CÁC GIAI ĐOẠN

Do tài liệu lưu trữ bị thất lạc và nhiều lý do khác, không thể tập hợp được đầy đủ và chính xác các kết quả nghiên cứu khoa học theo từng giai đoạn phát triển của các đơn vị tiền thân như đã trình bày ở phần lời giới thiệu, dưới đây xin tóm tắt một số thành tựu chính theo 3 giai đoạn: i/ Giai đoạn 1961-1988; ii/ Giai đoạn 1989 - 2012; iii/ Giai đoạn 2013-2015.

2.1.1. Giai đoạn 1961-1988

- Trong 10 năm đầu sau khi thành lập Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp, công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lâm sinh đã đạt nhiều thành tựu, trong đó có nhiều kết quả đã đáp ứng được các yêu cầu của thực tế sản xuất, cụ thể như sau:

1/ Xây dựng hoàn chỉnh các biện pháp kỹ thuật trồng rừng Phi lao (*Casuaria equisetifolia*) trên các bãi cát ven biển nhằm chống cát di động ở miền Nam Liên khu 4, kết hợp với việc cung cấp gỗ, củi cho nhân dân và gỗ trụ mỏ cho công nghiệp khai thác khoáng sản.

2/ Xây dựng kỹ thuật trồng cây Mỡ (*Manglietia glauca*) và cây Bồ đề (*Styrax tonkinensis*) trên rừng thứ sinh nghèo kiệt đầy dây leo bụi rậm ở vùng Trung du Bắc Bộ.

3/ Xây dựng phương thức kinh doanh rừng mới với những biện pháp kỹ thuật ổn định để tu bổ, cải tạo trạng thái rừng thứ sinh nghèo kiệt trên đất còn giữ được tính chất đất rừng để kinh doanh gỗ có đường kính lớn trong lần chặt cuối cùng và tận thu gỗ có đường kính nhỏ để sản xuất nguyên liệu giấy trong những lần chặt trung gian, chặt tỉa thưa rừng.

4/ Về nuôi trồng rừng tre nứa, đã có những tiến bộ đáng kể trong nghiên cứu về đất trồng Luồng (*Dendrocalamus membranaceus*) và kỹ thuật trồng Luồng đưa vào áp dụng để xây dựng vùng trồng Luồng Thanh Hóa.

5/ Trong thời gian này Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp đã thiết lập được những mô hình thí nghiệm về trồng, tu bổ, cải tạo rừng tự nhiên rất thành công ở các Trạm Thực nghiệm Cầu Hai- Phú Thọ, Minh Bảo - Yên Bái. Nhưng đáng tiếc là các mô hình đã không giữ lại đến ngày nay để làm đối chứng.

- Trong giai đoạn 10 năm này có nhiều công trình khoa học cơ sở, cơ bản đã được tiến hành và được phát triển thành các luận án khoa học mang tầm cỡ quốc tế, góp phần xây dựng cơ sở khoa học về lâm sinh và tăng thêm tiềm lực khoa học cũng như uy tín của Viện trên trường quốc tế. Đáng kể và nổi bật nhất là một số công trình sau đây:

1/ "Thảm thực vật rừng Việt Nam" là Luận án Tiến sỹ Khoa học của Thái Văn Trừng đã bảo vệ thành công ở Viện Thực vật Komarop (Leningrad) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô năm 1962;

2/ "Những cơ sở lý luận lập biểu thể tích và độ thon thân cây các loài cây lá rộng ở nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" là Luận án Tiến sỹ của Đồng Sỹ Hiền đã bảo vệ thành công ở Trường Đại học Nông nghiệp Maxcova năm 1968;

3/ "Góp phần nghiên cứu một số kiểu rừng nhiệt đới miền Bắc Việt Nam" của Trần Ngũ Phương và "Thảm thực vật rừng Việt Nam" của Thái Văn Trừng được lựa chọn gửi đi tham dự Hội thảo khoa học tại Bắc Kinh tháng 8/1964;

4/ "Lập biểu thể tích cây rừng Việt Nam" là Luận án Tiến sỹ khoa học của Nguyễn Văn Trương đã bảo vệ thành công tại Khoa Lâm nghiệp Tharandt năm 1978;

- Trong kế hoạch 5 năm (1981-1985), Viện Lâm nghiệp đã tham gia thực hiện hai chương trình tiến bộ kỹ thuật: (1) Chương trình lâm nghiệp tổng hợp "Nghiên cứu xây dựng và áp dụng các hệ thống kỹ thuật kinh doanh đảm bảo năng suất và sử dụng hợp lý các loại rừng hiện có", mã số 0401; (2) Chương trình Nông lâm kết hợp "Nghiên cứu và áp dụng các phương thức nông lâm kết hợp phù hợp với các vùng kinh tế tự nhiên", mã số 0402. Ngoài hai chương trình này, Viện cũng đã thực hiện nhiều đề tài nhiệm vụ khác. Thành tựu nổi bật trong giai đoạn này có thể khái quát như sau:

1/ Đối với rừng tự nhiên, đã xây dựng các quy phạm, quy trình kinh doanh tạm thời cho các loại rừng lá rộng thường xanh, rừng khộp, rừng Thông ba lá, rừng trên đất phèn và ngập mặn. Xác định các cơ sở về lập địa, cấu trúc, động thái cho việc kinh doanh các loại rừng trên.

2/ Đối với việc sử dụng hợp lý diện tích đất trống, đồi núi trọc và trồng rừng, bước đầu đã xác định được các loài cây trồng thích hợp cho từng lập địa và từng mục tiêu kinh tế cho từng vùng kinh tế, sinh thái. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn thâm canh rừng trồng và nông lâm kết hợp cũng đã được nghiên cứu trong giai đoạn này.

3/ "Thông nhựa Việt Nam - Yêu cầu chất lượng cây con và hỗn hợp ruột bầu ươm cây để trồng rừng" là Luận án Tiến sỹ của Nguyễn Xuân Quát đã bảo vệ thành công tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam năm 1987…

2.1.2. Giai đoạn 1989-2012

- Giai đoạn này, các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực lâm sinh đã tập trung vào các vấn đề sau đây:

1/ Nghiên cứu tuyển chọn cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa và cải thiện giống cây trồng;

2/ Xây dựng các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh cho các điều kiện lập địa và các mục tiêu kinh tế khác nhau;

3/ Xây dựng hệ thống biện pháp kỹ thuật khôi phục rừng;

4/ Xây dựng cơ sở khoa học và các biện pháp kỹ thuật cải tạo, làm giàu rừng tự nhiên nghèo kiệt.

- Đối với rừng trồng đã xây dựng được tập đoàn cây trồng rừng chủ yếu cho 8 vùng sinh thái lâm nghiệp; xây dựng hơn 50 quy trình, hướng dẫn kỹ thuật trồng cho các loài cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng sản xuất và rừng phòng hộ. Các kết quả khoa học công nghệ trong lĩnh vực lâm sinh cùng với các tiến bộ về cải thiện giống đã góp phần làm tăng năng suất rừng trồng sản xuất lên gấp hai lần so với thời kỳ trước đó. Đặc biệt, rừng trồng các loài keo trong phạm vi thí nghiệm đã nâng cao năng suất lên từ 30-35m^3/ha/năm, trong sản xuất cũng đạt năng suất từ 20-25m^3/ha/năm.

- Đối với rừng tự nhiên, đã xác định được các đặc điểm lâm học chủ yếu của các kiểu rừng lá rộng thường xanh, rừng lá kim, rừng rụng lá, rừng ngập mặn làm cơ sở khoa học cho các giải pháp lâm sinh. Xây dựng các giải pháp phục hồi rừng tự nhiên thông qua các biện pháp xúc tiến tái sinh tự nhiên, làm giàu rừng, khai thác đảm bảo tái sinh. Quản lý rừng bền vững theo hướng đa mục đích.

2.1.3. Giai đoạn 2013 - 2015

2.1.3.1. Đối với rừng tự nhiên

- Đã xác định đặc điểm lâm học và đề xuất được các giải pháp phục hồi rừng tự nhiên nói chung và rừng tự nhiên ở Tây Nguyên nói riêng.

- Bước đầu đã đánh giá được tiềm năng tích lũy sinh khối của một số hệ sinh thái chính tại Việt Nam.

2.1.3.2. Đối với rừng trồng cây lấy gỗ

- Đã xây dựng 04 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về yêu cầu kỹ thuật trồng rừng cho cây Keo lai, Keo tai tượng, Bạch đàn lai và kỹ thuật chuyển hoá rừng trồng cung cấp gỗ lớn từ các loài cây mọc nhanh.

- Bước đầu xác định được biện pháp kỹ thuật trồng rừng thích hợp cho các loài cây bản địa như: Xoan nhừ, Vối thuốc (2 loài).

2.1.3.3. Đối với các loài cây LSNG

- Phân loại và xác định được các giống Sở hiện có ở nước ta, chọn được một số giống Sở có năng suất quả và hàm lượng tinh dầu cao vượt trội để phát triển sản xuất.

- Bước đầu đã xác định được các biện pháp kỹ thuật bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen của loài cây Quế Thanh Hóa và Tam thất hoang ở Lai Châu.

- Đã xác định được các biện kỹ thuật thâm canh cây Sa nhân tím cho năng suất cao tại Ba Vì, Hà Nội.

2.1.3.4. Đối với môi trường sinh thái

- Đã xác định và đề xuất được các giải pháp trồng rừng trên đất bán ngập khu vực lòng hồ ở các tỉnh phía Bắc.

- Đã xác định bổ sung được một số tiêu chí góp phần xây dựng chiến lược nghiên cứu quản lý rừng trồng bền vững, đồng thời xác định được một số tiêu chí khai thác rừng tự nhiên bền vững dựa vào cộng đồng.

2.2. CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ THỰC HIỆN TỪ NĂM 2001-2015

Trong hơn một thập niên đầu của thế kỷ XXI, theo thống kê chưa đầy đủ thì lĩnh vực lâm sinh đã có khoảng hơn 76 đề tài/nhiệm vụ khoa học công nghệ được thực hiện, chưa kể các hợp đồng khoa học công nghệ, dự án và thỏa thuận hợp tác với nước ngoài, hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ, hợp đồng dịch vụ (bảng 2.1).

Bảng 2.1. Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực lâm sinh từ 2001-2015

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
1	Nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ kinh doanh rừng Hông (*Paulounia fortunei*)	Cấp Bộ	1997-2001	TS. Trần Quang Việt	Phòng NCKT LS
2	Xác định danh lục thực vật ở một số khu di tích lịch sử và tôn giáo chủ yếu ở miền Bắc và đề xuất biện pháp tôn tạo	Cấp Bộ	1997-2000	KS. Trần Ngọc Đang	Trung tâm ƯDKHKTLN
3	Tập huấn chuyển giao công nghệ bếp lò cải tiến	Cấp Bộ	2001	KS. Lê Văn Duyệt; KS. Nguyễn Phú Nghiệp	Trung tâm ƯDKHKTLN
4	Atlát cây rừng Việt Nam	Cấp Bộ	2000-2002	TS. Trần Quang Việt; TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa	Phòng NCKT LS
5	Ứng dụng kết quả nghiên cứu xây dựng mô hình trồng rừng Trám trắng (*Canarium album*) nhằm phục vụ dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	Đề tài thuộc DA 661	1999-2003	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKTLN

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
6	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật lâm sinh chủ yếu tạo rừng Sở cung cấp nguyên liệu sản xuất dầu thực vật và phòng hộ	Cấp Bộ	1998-2003	ThS. Nguyễn Quang Khải	Phòng NCKT LS
7	Đánh giá hiệu quả mô hình nông lâm kết hợp hiện có, đề xuất mô hình phát triển bền vững cho vùng đất cát ven biển Bắc Trung Bộ	Chương trình Nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan	1999-2003	KS. Đặng Văn Thuyết	Phòng NCKTLS
8	Ứng dụng kết quả nghiên cứu, xây dựng mô hình trồng rừng Hông (*Paulownia fortunei*)	Đề tài thuộc DA 661	1999-2004	TS. Trần Quang Việt	Phòng NCKT LS
9	Ứng dụng kết quả nghiên cứu để xây dựng mô hình trồng rừng phòng hộ trên đất cát trắng cố định ở ven biển một số tỉnh miền Trung	Đề tài thuộc DA 661	2000-2004	KS. Cao Quang Nghĩa	Phòng NCKT LS
10	Xây dựng mô hình trồng rừng Trám trắng (*Canarium album* Raeusch) bằng cây ghép phục vụ mục tiêu lấy quả	Cấp Bộ	1999-2004	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKTLN
11	Nghiên cứu kỹ thuật sử sụng đất cát ẩm ở xã Thanh Thủy - huyện Lệ Thủy - tỉnh Quảng Bình	APAFRI-TREELINK	2000-2001	TS. Đặng Văn Thuyết	Phòng NCKTLS
12	Nghiên cứu phát triển trồng rừng sản xuất có hiệu quả kinh tế và bền vững vùng miền núi phía Bắc	Cấp Bộ	2002-2005	TS. Võ Đại Hải	Phòng NCKTLS
13	Xây dựng mô hình trình diễn về trồng rừng phòng hộ kết hợp cung cấp gỗ củi vùng đồng bằng nhằm phục vụ dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	Đề tài thuộc DA 661	2000-2004	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKTLN
14	Tổng kết đánh giá các kết quả nghiên cứu để hoàn thiện kỹ thuật trồng rừng phòng hộ trên đất cát trắng cố định	Đề tài thuộc DA 661	2001-2004	KS. Cao Quang Nghĩa	Phòng NCKT LS

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
15	Nghiên cứu xác định mô hình rừng phòng hộ trên cát di động ở ven biển tỉnh Quảng Bình	Cấp Bộ	2000-2005	TS. Đặng Văn Thuyết	Phòng NCKTLS
16	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào trồng rừng cung cấp gỗ củi có năng suất cao ở đồng bằng	Cấp Bộ	2001-2004	KS. Trần Ngọc Đang; KS. Ngô Duy Bình	Trung tâm ƯDKHKT LN
17	Nghiên cứu xây dựng mô hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế và phòng hộ cho vùng xung yếu ven hồ sông Đà	Cấp Bộ	2001-2004	TS. Nguyễn Huy Sơn; ThS. Trần Lâm Đồng; KS. Đặng Thịnh Triều	Phòng NCKTLS
18	Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng rừng hỗn loài bằng một số loài cây lá rộng bản địa trên đất rừng thoái hoá ở các tỉnh phía Bắc	Cấp Bộ	2001-2004	TS. Nguyễn Bá Chất; KS. Hoàng Văn Thắng	Phòng NCKTLS
19	Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ để phát triển gỗ nguyên liệu cho xuất khẩu Mã số KC0605NN	Cấp Nhà nước	2001-2005	TS. Nguyễn Huy Sơn	Phòng NCKTLS
20	Nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái rừng thoái hóa bằng biện pháp kỹ thuật Lâm sinh và NLKH ở vùng núi phía bắc Việt Nam	Dự án Hợp tác quốc tế AKECOP	2001-2005	ThS. Nguyễn Quang Khải	Phòng NCKTLS
21	Nghiên cứu chọn và nhân giống quế (*Cinamomum cassia*) có năng suất và chất lượng tinh dầu cao	Cấp Bộ	2002-2006	TS. Phạm Văn Tuấn; TS. Nguyễn Huy Sơn	Phòng NCKTLS
22	Xây dựng mô hình trồng rừng trên đất bán ngập ven hồ chứa nước ở phía Bắc Việt Nam	Đề tài thuộc DA 661	2002-2006	KS. Trần Ngọc Đang - ThS. Âu Văn Bẩy	Trung tâm ƯDKHKT LN
23	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật Lâm sinh phục hồi rừng đầu nguồn bị thoái hóa ở vùng hồ Hòa Bình	Dự án Hợp tác quốc tế RENFODA	2003-2008	PGS.TS. Võ Đại Hải; ThS. Nguyễn Quang Khải	Phòng NCKTLS
24	Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng	Đề tài thuộc DA 661	2004-2006	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKT LN
25	Xây dựng Đề án trồng cây phân tán	Đề tài thuộc DA 661	2005	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKT LN

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
26	Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp KHCN và kinh tế xã hội để phát triển rừng trồng kinh tế hiệu quả cao theo hướng công nghiệp hóa nhằm góp phần ổn định và phát triển bền vững các tỉnh Tây Nguyên	Cấp Bộ	2004-2006	PGS.TS. Triệu Văn Hùng; TS. Dương Tiến Đức	Phòng NCKTLS
27	Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và các giải pháp nhằm xây dựng mô hình quản lý bền vững rừng tự nhiên ở Tây Nguyên	Cấp Bộ	2004-2006	TS. Trần Văn Con	Phòng NCKTLS
28	Quy phạm trồng rừng phòng hộ vùng cát ven biển	Cấp Bộ	2005-2006	TS. Đặng Văn Thuyết	Phòng NCKTLS
29	Điều tra đánh giá hiệu quả của các dự án trồng rừng có vốn đầu tư nước ngoài tại một số vùng sinh thái chủ yếu ở Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả trồng rừng và góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án 661	Dự án điều tra cơ bản	2006-2007	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKT LN
30	Điều tra đánh giá chất lượng giao rừng, khoán rừng	Dự án điều tra cơ bản	2007	TS. Dương Tiến Đức	Phòng NCKTLS
31	Điều tra đánh giá trạng thái rừng sản xuất là rừng nghèo kiệt theo các vùng sinh thái Đề xuất tiêu chí trạng thái rừng nghèo kiệt được phép cải tạo để trồng rừng kinh tế	Dự án điều tra cơ bản	2007	TS. Trần Văn Con	Phòng NCKTLS
32	Tổng kết đánh giá các mô hình trồng rừng phòng hộ đầu nguồn theo phương thức hỗn giao cây bản địa với cây mọc nhanh để xây dựng hướng dẫn kỹ thuật	Đề tài thuộc DA 661	2005-2007	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKT LN
33	Xây dựng mô hình trồng thâm canh bạch đàn, Thông caribea, Xoan ta ở Tây Nguyên	Hợp đồng tư vấn	2006-2007	TS. Trần Văn Con	Phòng NCKTLS

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
34	Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật lâm nghiệp cho nông dân (Thuộc TT khuyến nông quốc gia)	DA khuyến lâm cấp Bộ	2007	TS. Dương Tiến Đức	Phòng NCKTLS
35	Nghiên cứu kỹ thuật trồng rừng Trám đen phục vụ mục tiêu lấy quả	Cấp Cơ sở	2004-2007	KS. Trần Đức Mạnh	Trung tâm ƯDKHKT LN
36	Bước đầu nghiên cứu thăm dò khả năng nhân giống 2 loài cây Tô Hạp Điện Biên và Chò xanh làm cơ sở trồng rừng gỗ lớn tại Tây Bắc	Cấp Cơ sở	2006-2007	KS. Phạm Quang Tuyến	Phòng NCKTLS
37	Nghiên cứu phát triển cây "xanh bốn mùa" để phục vụ lục hoá đô thị	Cấp Cơ sở	2006-2008	KS. Nguyễn Bá Triệu	Trung tâm ƯDKHKT LN
38	Nghiên cứu sử dụng tối ưu đất ở vùng bán ngập của một số hồ chứa thủy lợi, thủy điện Thử nghiệm mô hình trồng cây lâm nghiệp trên vùng đất bán ngập ở hồ Thác Bà (hay hồ Hoà Bình)	Nhiệm vụ môi trường Cấp Bộ	2005-2008	KS. Phạm Đình Tam; KS. Phạm Đình Sâm	Trung tâm ƯDKHKT LN
39	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng Tống quá sủ, Thông caribê, Keo, Bạch đàn cho vùng Tây Bắc	Cấp Bộ	2008-2012	TS. Đặng Văn Thuyết	Phòng NCKTLS
40	Nghiên cứu phát triển cây Vối thuốc (*Schima wallichii* Choisy và *Schima superba* Gardn Et Champ)	Cấp Bộ	2007-2010	PGS.TS. Võ Đại Hải	Phòng NCKTLS
41	Điều tra đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng gỗ và lâm sản toàn quốc	Đề tài thuộc dự án 661	2008	ThS. Bùi Thanh Hằng	Phòng NCKTLS
42	Đánh giá hiệu quả kinh tế tái sinh rừng keo tai tượng sau khai thác	Đề tài thuộc dự án 661	2008	TS. Đặng Thịnh Triều	Phòng NCKTLS
43	Xây dựng hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	Đề tài thuộc dự án 661	2008	TS. Hoàng Văn Thắng	Phòng NCKTLS

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
44	Dự án: Điều tra đánh giá xác định tập đoàn cây trồng rừng sản xuất có hiệu quả trên các dạng lập địa chủ yếu trong các vùng kinh tế lâm nghiệp trọng điểm	Đề tài thuộc dự án 661	2007-2008	KS. Phạm Đình Tam	Trung tâm ƯDKHKT LN
45	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám & hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc đánh giá & quản lý tài nguyên rừng vùng phòng hộ sông Đà	Cấp Bộ	2005-2008	TS. Dương Tiến Đức	Phòng NCKTLS
46	Nghiên cứu các biện pháp xúc tiến tái sinh Keo tai tượng ở các tỉnh phía Bắc	Cấp Cơ sở	2006-2009	TS. Đặng Thịnh Triều	Phòng NCKTLS
47	Nghiên cứu đặc điểm lâm học và đề xuất biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng, xúc tiến tái sinh và gây trồng rừng Dẻ ăn hạt ở Tây Nguyên	Cấp Bộ	2006-2010	ThS. Trần Lâm Đồng; ThS. Nguyễn Toàn Thắng	Phòng NCKTLS
48	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật gây trồng cây gỗ lớn nhập nội: Giổi bắc (*Michelia macclurei* Dandy) và Lát Mexico (*Cedrela odorata* L.)	Cấp Bộ	2007-2010	ThS. Trần Lâm Đồng; TS.Phan Minh Sáng	Phòng NCKTLS
49	Nghiên cứu hệ thống biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh Keo, Bạch đàn và Thông ca-ri-bê để cung cấp gỗ lớn	Cấp Bộ	2006-2010	TS. Đặng Văn Thuyết	Phòng NCKTLS
50	Nghiên cứu đặc điểm lâm học (diễn thế, cấu trúc, tổ thành, tái sinh, tăng trưởng, khí hậu thủy văn, đất) của một số hệ sinh thái rừng tự nhiên chủ yếu ở Việt Nam (Giai đoạn I)	Cấp Bộ	2006-2010	PGS.TS. Trần Văn Con	Phòng NCKTLS
51	Nghiên cứu chọn giống và biện pháp kỹ thuật trồng rừng Sở thâm canh cho vùng Tây Bắc, Đông Bắc và Bắc Trung Bộ	Cấp Bộ	2006-2010	ThS. Nguyễn Quang Khải - ThS. Hoàng Văn Thắng	Phòng NCKTLS

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
52	Nghiên cứu hệ thống các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để xúc tiến tái sinh rừng Keo tai tượng nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế của trồng rừng công nghiệp ở các tỉnh miền núi phía Bắc	Cấp Cơ sở	2006-2010	TS. Đặng Thịnh Triều	Phòng NCKTLS
53	Nghiên cứu kỹ thuật gây trồng cây Tai chua để lấy gỗ và lấy quả	Cấp Cơ sở	2007-2010	ThS. Đặng Quang Hưng	Trung tâm ƯDKHKT LN
54	Tính đa dạng loài cây rừng bản địa ở rừng tự nhiên, rừng trồng và đất trống tại xã Co Mạ vùng Tây Bắc, Việt Nam	Quốc tế	2008-2009	ThS. Trần Văn Đô	Phòng NCKTLS
55	Nghiên cứu đặc điểm lâm học và khả năng gây trồng loài cây Chùm ngây (*Moringa oleifera*) quy mô hộ gia đình, trang trại tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Cấp Bộ	2009-2011	TS. Dương Tiến Đức	Phòng NCKTLS
56	Nghiên cứu, đánh giá và tuyển chọn một số giống Mây có năng suất và chất lượng cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, canh tác và sản xuất ngành hàng mây tre đan xuất khẩu ở Hoà Bình	Cấp Bộ	2009-2011	ThS. Triệu Thái Hưng	Phòng NCKTLS
57	Nghiên cứu khả năng hấp thụ carbon của rừng tự nhiên lá rộng thường xanh, bán thường xanh và rụng lá ở Tây Nguyên	Cấp Bộ	2010-2012	PGS.TS. Võ Đại Hải; TS. Đặng Thịnh Triều	Phòng NCKTLS
58	Điều tra, đánh giá khu hệ thực vật quý hiếm cần bảo tồn trong hệ sinh thái rừng tự nhiên ở Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Cấp Tỉnh	2010-2011	ThS. Phạm Quang Tuyến	Phòng NCKTLS
59	Nghiên cứu hoàn thiện biểu kinh doanh rừng một số loài trồng rừng chủ yếu	Cấp Bộ	2010-2012	TS. Phan Minh Sáng	Phòng NCKTLS

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
60	Nghiên cứu gieo hạt thẳng 3 loài bản địa (*Erythrophloeum fordii*, *Peltophorum tonkinensis* và *Cassia siamea*) dưới tán rừng phục hồi sau canh tác nương rẫy tại vùng núi phía Bắc Việt Nam	Quốc tế	2010-2012	ThS. Nguyễn Toàn Thắng	Phòng NCKTLS
61	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật nuôi dưỡng rừng Dẻ ăn hạt (*Castanopsis boisii* Hickel et Camus) tại Bắc Giang	Cấp Bộ	2009-2012	ThS. Nguyễn Toàn Thắng	Phòng NCKTLS
62	Nghiên cứu chọn giống và biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh cây Sơn (*Toxicodendron succedanea*) tại Phú Thọ	Cấp Bộ	2009-2012	ThS. Đặng Quang Hưng	Trung tâm ƯDKHKT LN
63	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng cây Xoay ở vùng Tây Nguyên	Cấp Cơ sở	2010-2012	ThS. Cao Chí Khiêm	Phòng NCKTLS
64	Nghiên cứu các giải pháp chống thoái hoá, phục hồi và phát triển bền vững rừng Luồng tại Thanh Hoá	Cấp Nhà nước	2009-2012	TS. Đặng Thịnh Triều	Phòng NCKTLS
65	Nghiên cứu các giải pháp KHCN và KTXH trồng rừng gỗ lớn, mọc nhanh trên đất trống còn tính chất đất rừng và đất rừng nghèo kiệt	Cấp Nhà nước	2008-2012	PGS.TS. Trần Văn Con	Phòng NCKTLS
66	Xây dựng mô hình phát triển mây nếp có năng suất cao tại các xã vùng đệm Vườn Quốc gia Ba Vì	Cấp Tỉnh	2010-2012	ThS. Lại Thanh Hải	Trung tâm ƯDKHKT LN
67	Nghiên cứu đặc điểm lâm học (diễn thế, cấu trúc, tổ thành, tái sinh, tăng trưởng, khí hậu thủy văn, đất) của một số hệ sinh thái rừng tự nhiên chủ yếu ở Việt Nam (Giai đoạn II)	Cấp Bộ	2011-2015	PGS.TS. Trần Văn Con	Phòng NCKTLS

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thời gian	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị thực hiện
68	Khảo nghiệm cây Macadamia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Cấp Tỉnh	2011-2014	Ths. Bùi Thanh Hằng	Phòng NCKTLS
69	Nghiên cứu kỹ thuật trồng thâm canh cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* TLWu) tại một số xã vùng đệm Vườn Quốc gia Ba Vì, Hà Nội	Cấp Tỉnh	2011-2013	ThS. Bùi Kiều Hưng	Trung tâm ƯDKHKT LN
70	Đất bỏ hóa sau nương rẫy có thể phục hồi lại rừng ban đầu? Cấu trúc và đa dạng loài của rừng phục hồi tại Tây Bắc, Việt Nam	Quốc tế	2012-2013	TS. Trần Văn Đô	Phòng NCKTLS
71	Nghiên cứu các giải pháp tổng hợp phục hồi và quản lý hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn ở Tây Nguyên	Cấp Nhà nước	2013-2015	PGS.TS. Trần Văn Con	Viện NC Lâm sinh
72	Tiêu chuẩn quốc gia: Rừng trồng - Keo tai tượng - Yêu cầu kỹ thuật - phần 1: Lập địa	Cấp Bộ	2014-2015	TS. Đặng Văn Thuyết	Viện Nghiên cứu Lâm sinh
73	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển loài Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus*) ở các xã vùng cao huyện Mường Tè	Cấp Tỉnh	2014-2017	ThS. Phạm Quang Tuyến	Viện Nghiên cứu Lâm sinh
74	Nghiên cứu hệ thống các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh keo lai, Keo tai tượng và Keo lá tràm cung cấp gỗ lớn trên đất trồng mới	Cấp Bộ	2015-2019	PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn	Viện Nghiên cứu Lâm sinh
75	Dự án SXTN: chuyển hóa rừng cung cấp gỗ nhỏ thành rừng cung cấp gỗ lớn các loài keo lai và Keo tai tượng	Cấp Bộ	2015-2018	TS. Trần Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu Lâm sinh
76	Nghiên cứu đánh giá diễn thế phục hồi hệ sinh thái rừng và đề xuất giải pháp bảo tồn tại khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai	Cấp Nhà nước	2015-2018	TS. Trần Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu Lâm sinh

2.3. MỘT SỐ THÀNH TỰU KHOA HỌC NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2001-2015

Kết quả hoạt động KHCN của Phòng NCKT Lâm sinh và Trung tâm Ứng dụng KHKT lâm nghiệp trong nhưng năm đầu của thế kỷ XXI đã đạt được một số thành tựu nổi bật sau đây:

2.3.1. Về rừng tự nhiên

- Đã xây dựng được hệ thống ô tiêu chuẩn định vị (OTC) và cơ sở dữ liệu của 74 ô trên 4 kiểu rừng: i/ Rừng nhiệt đới mưa mùa lá rộng thường xanh ngập mặn (rừng ngập mặn); ii/ Rừng nhiệt đới mưa mùa lá rộng thường xanh; iii/ Rừng nhiệt đới mưa lá rộng rụng lá theo mùa (Rừng khộp); iv/ Rừng nhiệt đới mưa mùa lá rộng thường xanh ngập phèn (Rừng tràm).

- Bổ sung các thông tin, số liệu và luận cứ khoa học về sinh trưởng quần thể của các kiểu rừng và sinh trưởng cá thể của một số loài ưu thế trong các ô tiêu chuẩn nghiên cứu.

- Bổ sung thêm các đặc điểm cấu trúc và động thái tái sinh, diễn thế của 4 kiểu rừng làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý và kinh doanh rừng tự nhiên Việt Nam.

2.3.2. Về rừng trồng

- Các đề tài đã tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến chọn loài cây trồng, kỹ thuật nhân giống và tạo cây con; các biện pháp kỹ thuật thiết lập và thâm canh rừng trồng cho các loài chủ yếu như: Sở, Dẻ ăn hạt, Vối thuốc, Giổi bắc, Lát Mexico, Tai chua, Trám ghép... với các kết quả nổi bật sau đây:

* Các giải pháp kỹ thuật và kinh tế xã hội để trồng rừng cây đặc sản, cây gỗ lớn mọc nhanh trên đất trống còn tính chất đất rừng;

* Chọn được một số cây trội để khảo nghiệm hậu thế cây Sở; phát triển và hoàn thiện kỹ thuật nhân giống và trồng rừng thâm canh cây Sở;

* Bổ sung kiến thực về đặc điểm lâm học của hai loài Dẻ ăn hạt ở Tây Nguyên và kỹ thuật khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên để chuyển hoá rừng tự nhiên có Dẻ ăn hạt thành rừng ưu hợp cây Dẻ cung cấp hạt hàng hoá.

* Điều kiện gây trồng và kỹ thuật trồng rừng cung cấp gỗ lớn các loài Vối thuốc, Giổi bắc và Lát Mexico.

* Khả năng hấp thụ các bon của một số dạng rừng trồng ở Việt Nam.

* Xác định được cơ sở khoa học để phục hồi rừng Luồng bị thoái hóa ở Thanh Hóa.

* Đã nghiên cứu thành công việc chiết ghép một số cây lâm nghiệp như Trám trắng, Trám đen, Giổi xanh, Tai chua, Sơn ta, Sở, Sấu... với mục đích vườn hóa cây rừng góp phần giúp đỡ người dân có thêm lựa chọn cho việc phát triển sản xuất lâm nghiệp phủ xanh đất trống đồi trọc, nâng cao độ che phủ rừng và tăng thu nhập.

- Kỹ thuật thâm canh rừng: Nghiên cứu trồng rừng thâm canh cung cấp nguyên liệu gỗ nhỏ cho các ngành công nghiệp chế biến ván nhân tạo và giấy góp phần nâng cao năng suất rừng từ 7-10m^3/ha/năm bằng phương thức trồng rừng quảng canh lên từ 25-30m^3/ha/năm bằng phương thức trồng rừng thâm canh (trong đó có cả yếu tố giống đã được cải thiện).

- Đã xây dựng được các HDKT trồng rừng thâm canh cho các loài cây gỗ mọc nhanh.

2.3.3. Các lĩnh vực nghiên cứu liên quan khác

Đã thực hiện các điều tra cơ bản để cung cấp các dữ liệu và thông tin cơ bản phục vụ công tác quy hoạch và quản lý ngành cụ thể:

- Xây dựng sổ tay hướng dẫn phương pháp giao, khoán rừng thí điểm cho đồng bào thiểu số vùng Tây Nguyên theo Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều tra, đánh giá xác định tiêu chí rừng nghèo kiệt được phép cải tạo trồng rừng kinh tế, đây là cơ sở để xác định tiêu chí chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cao su.

- Điều tra đánh giá năng suất các loài cây trồng rừng chủ yếu theo lập địa, bổ sung danh mục cây trồng rừng theo các vùng sinh thái.

- Xây dựng nhiều văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật ngành trong lĩnh vực lâm sinh.

- Góp phần xác định tập đoàn cây trồng chủ yếu cho các vùng sinh thái với nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

- Tạo các cơ sở khoa học, kinh tế - kỹ thuật để xây dựng các quy trình, quy phạm và hướng dẫn kỹ thuật trồng một số cây chủ đạo: (i) Các loài cây bản địa quý hiếm như: Dầu rái, Vên vên, Sao đen, Re, Giổi, Gội, Lát hoa...; (ii) Các loài cây đa mục đích như: Trám, Sấu, Thông nhựa...; (iii) Các loài cây đặc sản như: Trẩu, Quế, Sở,...

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và biện pháp kỹ thuật để xây dựng và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển.

- Thông qua các mô hình trồng rừng năng suất cao, các lớp tập huấn kỹ thuật, các diễn đàn khoa học công nghệ đã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lâm nghiệp (các giống mới, kỹ thuật thâm canh rừng trồng) đồng thời cũng nâng cao năng lực cho các cán bộ kỹ thuật làm công tác khuyến lâm nói riêng, xây dựng phát triển rừng nói chung.

- Việc nghiên cứu xây dựng mô hình bếp đun cải tiến, hầm biogas và chuyển giao công nghệ này cho các địa phương cũng đã góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường bảo vệ rừng, hạn chế biến đổi khí hậu; xoá đói giảm nghèo, làm tăng thu nhập cho người dân và đã 2 lần được trao giải "Ngày sáng tạo Việt Nam".

2.3.4. Các ấn phẩm, sản phẩm KHCN giai đoạn 2001-2015

2.3.4.1. Sách đã xuất bản từ 2001-2015

TT	Tác giả	Tên sách	NXB, năm xuất bản
1	Nguyễn Ngọc Bình, Trần Quang Việt	Cây Hồi	NXB. Nông nghiệp, 2002
2	Nguyễn Huy Sơn	Cây Keo lá tràm	NXB. Nghệ An, 2003
3	Nguyễn Xuân Quát, Đặng Văn Thuyết, Phạm Ngọc Thường	Các mô hình lâm nghiệp xã hội ở Việt Nam	NXB. Nông nghiệp, 2004
4	Nguyễn Xuân Quát, Đặng Văn Thuyết	Mô hình trồng rừng phòng hộ kết hợp sản xuất ở vùng cát ven biển Việt Nam	NXB. Nông nghiệp, 2005
5	Võ Đại Hải (chủ biên) Nguyễn Xuân Quát, Trần Văn Con, Đặng Thịnh Triều	Trồng rừng sản xuất vùng núi phía Bắc - Từ nghiên cứu đến phát triển.	NXB. Nông nghiệp, 2006
6	Nguyễn Huy Sơn (tham gia)	Cẩm nang ngành Lâm nghiệp	Sách tài trợ của dự án Jica, 2006
7	Nguyễn Huy Sơn (chủ biên), Nguyễn Xuân Quát, Đoàn Hoài Nam	Kỹ thuật trồng rừng thâm canh một số loài cây gỗ nguyên liệu	NXB. Thống kê, 2006
8	Trần Văn Con (chủ biên)	Phục hồi rừng ở Việt Nam - Tổng quan nghiên cứu và phát triển	NXN. Thống kê, 2007
9	Phạm Đức Tuấn (chủ biên), Nguyễn Huy Sơn	Cây Quế và kỹ thuật trồng	NXB. Nông nghiệp, 2007
10	Nguyễn Xuân Quát, Nguyễn Huy Sơn, Đặng Văn Thuyết, Đặng Kim Vui	Giáo trình Trồng rừng (Dùng cho đào tạo sau Đại học của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên)	NXB. Nông nghiệp, 2008
11	Trần Văn Con	Hướng tới một nền lâm nghiệp bền vững, đa chức năng	NXB. Lao động - xã hội, 2008
12	Võ Đại Hải (chủ biên)	Canh tác nương rẫy và phục hồi rừng sau nương rẫy ở Việt Nam	NXB. Nghệ An
13	Nguyễn Xuân Quát, Đặng Văn Thuyết, Nguyễn Việt Cường	Kỹ thuật trồng một số loài cây thân gỗ đa tác dụng	NXB. Nông nghiệp, 2009
14	Võ Đại Hải (chủ biên) Đặng Thịnh Triều, Nguyễn Hoàng Tiệp, Nguyễn Văn Bích, Đặng Thái Dương	Năng suất sinh khối và khả năng hấp thụ các bon của một số dạng rừng trồng chủ yếu ở Việt Nam	NXB. Nông nghiệp, 2009

TT	Tác giả	Tên sách	NXB, năm xuất bản
15	Nguyễn Hoàng Nghĩa, Nguyễn Xuân Quát, Đặng Văn Thuyết	Kỹ thuật trồng rừng một số loài cây lấy gỗ	NXB. Nông nghiệp, 2010
16	Nguyễn Huy Sơn (chủ biên), Phan Văn Thắng, Lê Sỹ Trung	Giáo trình Lâm sản ngoài gỗ (Dùng cho đào tạo sau Đại học, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên)	NXB. Nông nghiệp, 2010
17	Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn, Nguyễn Huy Sơn	Các loài cây cố định đạm quan trọng trong sản xuất nông lâm nghiệp ở Việt Nam	Sách tài trợ của tổ chức Jica, in tại Công ty TNHH In và Thương mại Việt Anh, 2010
18	Võ Đại Hải, Đặng Thịnh Triều, Vương Văn Quỳnh	Nghiên cứu phát triển cây Vối thuốc (*Schima wallichi* Choisy và *Schima superba* Gardn. Et. Champ) phục vụ trồng rừng ở Việt Nam	NXB. Nông nghiệp, 2010
19	Đặng Thịnh Triều (Chủ biên), Võ Đại Hải, Nguyễn Văn Bích, Hoàng Văn Thắng	Rừng luồng Thanh Hoá - Hiện trạng và giải pháp phát triển	NXB. Nông nghiệp, 2011
20	Đặng Thịnh Triều, Vũ Tấn Phương, Phùng Văn Khoa	Sinh khối và trữ lượng các bon của rừng tự nhiên ở Tây Nguyên	NXB. Nông nghiệp, 2012
21	Nguyễn Huy Sơn (chủ biên), Nguyễn Xuân Quát, Lê Văn Thành	Cây Dó bầu và Trầm hương	NXB. Khoa học và kỹ thuật, 2011
22	Tran Van Do, Akira Osawa, Nguyen Toan Thang	Succession of secondary forest	Lambert Academy Publishing, 2012
23	Nguyễn Huy Sơn (chủ biên), Phan Văn Thắng, Lê Văn Thành	Kỹ thuật trồng một số loài tre trúc song mây	NXB. Nông nghiệp, 2013
24	Nguyễn Ngọc Bình, Trần Văn Con	Xác định các đơn vị trồng rừng chủ yếu ở Việt Nam	NXB. Nông nghiệp, 2013
25	Vũ Tiến Hinh, Trần Văn Con	Sản lượng rừng (Sách giáo khoa dùng cho đào tạo sau đại học, trường Đại học Lâm nghiệp)	NXB. Nông nghiệp, 2013
26	Lại Thanh Hải Phạm Đình Sâm Phan Thị Luyến Trần Anh Hải Ninh Việt Khương	Kỹ thuật gây trồng một số loài cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao	NXB. Văn hóa dân tộc, 2014

TT	Tác giả	Tên sách	NXB, năm xuất bản
27	Nguyễn Huy Sơn (chủ biên)	Kỹ thuật trồng 10 loài cây Lâm sản ngoài gỗ làm gia vị	NXB. Nông nghiệp, 2014
28	Bùi Thanh Hằng, Nguyễn Đức Kiên, Đỗ Hữu Sơn, Phạm Quang Tuyến, Trần Thị Kim Hương, Nguyễn Văn Biển	Sổ tay kỹ thuật trồng cây Macadamia tại tỉnh Lai Châu	NXB. Nông nghiệp, 2015

2.3.4.2. Bài báo đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành từ 2001-2015

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
1	Đặng Văn Thuyết	Thực trạng mô hình rừng phòng hộ trên cát di động ở ven biển miền Trung	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, số 1/2001
2	Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Tuấn Hưng, Trần Hồ Quang	Kết quả nghiên cứu bảo quản hạt Quế	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 7/2001
3	Nguyễn Huy Sơn, Đoàn Thị Bích, Nguyễn Tuấn Hưng, Trần Hồ Quang	Kết quả bước đầu nhân giống sinh dưỡng cây Hồi	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 11/2001
4	Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Tuấn Hưng	Đặc điểm sinh lý và phương pháp bảo quản hạt Hồi	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 2/2002
5	Nguyễn Huy Sơn, Hoàng Chương	Đặc điểm vật hậu và khả năng tái sinh tự nhiên của loài Thông nước	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 8/2002
6	Đặng Văn Thuyết	Một số vấn đề về trồng rừng trên đất cát ven biển	Bản tin Trồng mới 5 triệu ha rừng, số 2/2002 Bộ NN& PTNT
7	Nguyễn Huy Sơn, Hoàng Quốc Lâm, Đinh Ngọc Ninh	Tiềm năng bột giấy của gỗ Thông caribê trồmg ở nước ta	Thông tin Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, số 1/2003
8	Đặng Văn Thuyết	Hiệu quả phòng hộ của các đai rừng trên đất cát ven biển Bắc Trung Bộ	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, số 1/2003
9	Đặng Văn Thuyết	Phân vùng phòng hộ vùng cát ven biển Bắc Trung Bộ	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, số 1/2004
10	Đặng Văn Thuyết	Phân chia lập địa đất cát ven biển	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp số 2/2004

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
11	Đặng Văn Thuyết, Trần Việt Trung, Triệu Long Quảng	Đánh giá chất lượng rừng trồng phòng hộ đầu nguồn tại Hà Tĩnh	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, số 3/2005
12	Đặng Văn Thuyết, Triệu Thái Hưng	Tác dụng phòng hộ của rừng trồng trên đụn cát bay ven biển	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, số 4/2005
13	Đặng Thịnh Triều, Nguyễn Toàn Thắng	Kết quả xây dựng mô hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế và phòng hộ cho vùng xung yếu ven hồ sông Đà	Thông tin Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, số 4/2005
14	Đặng Văn Thuyết	Hiệu quả kinh tế của các mô hình nông lâm kết hợp và các đai rừng Phi lao trồng trên đất cát ven biển Bắc Trung Bộ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 7/2003
15	Đặng Thịnh Triều	Ảnh hưởng của chế độ nước đến sinh trưởng của cây con Vạng trứng (*Endospermum sinensis* Benth)	Thông tin Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, số 1/2004
16	Nguyễn Huy Sơn, Đặng Thịnh Triều	Đánh giá thực trạng rừng trồng keo và bạch đàn ở nước ta trong những năm qua	Thông tin Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, số 2/2004
17	Nguyễn Huy Sơn, Đoàn Hoài Nam	Ảnh hưởng của mật độ, biện pháp tỉa cành và phân bón đến sinh trưởng của keo lai trồng ở Quảng Trị	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 3/2004
18	Đặng Văn Thuyết, Triệu Thái Hưng	Kỹ thuật trồng Keo difficilis trên đất cát ven biển	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp số 1/2005
19	Triệu Văn Hùng, Nguyễn Huy Sơn, Dương Tiến Đức …	Đánh giá khả năng sinh trưởng của một số loài keo và bạch đàn, các biện pháp kỹ thuật tác động theo hướng thâm canh năng suất cao và ổn định bền vững ở Tây Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 1/2005
20	Triệu Văn Hùng, Nguyễn Huy Sơn, Dương Tiến Đức …	Bước đầu đề xuất các giải pháp kỹ thuật để trồng rừng công nghiệp tập trung bằng các loài cây bản địa mọc nhanh cho vùng Tây Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 2/2005
21	Đặng Văn Thuyết, Triệu Thái Hưng	Kỹ thuật trồng Keo torulosa trên đất cát ven biển	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp số 3/2005
22	Đặng Văn Thuyết, Trần Việt Trung, Triệu Long Quảng	Đánh giá chất lượng rừng trồng phòng hộ đầu nguồn tại Hà Tĩnh	Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, số 3/2005

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
23	Đặng Thịnh Triều Nguyễn Quang Khải Hoàng Văn Thắng	Hiện trạng lâm sản ngoài gỗ và vai trò của nó trong đời sống kinh tế, xã hội tại xã Vạn Yên, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Tạp chí Thông tin Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2005
24	Đặng Văn Thuyết, Triệu Thái Hưng	Kết quả nghiên cứu xây dựng rừng trồng trên đụn cát bay ven biển tỉnh Quảng Bình	Bản tin Trồng mới 5 triệu ha rừng số 4/2005 Bộ NN&PTNT
25	Đặng Thịnh Triều Nguyễn Toàn Thắng Trần Lâm Đồng	Kết quả xây dựng mô hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế và phòng hộ cho vùng xung yếu ven hồ Sông Đà	Tạp chí Thông tin Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2005
26	Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Huy Sơn	Kết quả bước đầu khảo nghiệm xuất xứ Quế ở Yên Bái và Quảng Nam	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 11/2005
27	Nguyễn Huy Sơn, Đoàn Hoài Nam	Đặc điểm sinh trưởng của cây keo lai và tuổi thành thục công nghệ của rừng trồng ở vùng Đông Nam Bộ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 14/2005
28	Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Huy Sơn	Chọn giống Quế theo chỉ tiêu sinh trưởng và chất lượng tinh dầu ở Văn Yên-Yên Bái	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 17/2005
29	Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Huy Sơn, Phan Vĩnh Học	Chọn giống Quế theo sinh trưởng và tinh dầu ở Trà Mi, Quảng Nam	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 23/2005
30	Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Huy Sơn, Trần Cứu	Sinh trưởng và tinh dầu Quế ở Trà Bồng, Quảng Ngãi	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 1/2006
31	Phạm Xuân Nam, Trần Lâm Đồng	Đánh giá sinh trưởng rừng Hông (*Paulownia fortunei*) trồng ở miền Bắc, Việt Nam	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 1/2006
32	Trần Văn Con	Tiêu chí xã hội trong quản lý rừng bền vững ở Tây Nguyên	Tạp chí Khoa học lâm nghiệp, số 3/2006
33	Lưu Cảnh Trung, Phan Minh Sáng	Các phương pháp nghiên cứu động thái biến đổi tính chất đất trong nông lâm nghiệp	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3 và 4/2006
34	Phan Minh Sáng	Thuật ngữ Lâm nghiệp cho cơ chế phát triển sạch	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 5/2006
35	Trần Văn Con	Phân tích các bên liên quan ở hai lâm trường Sơ Pay và Hà Nừng nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững ở Tây Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 21/2006

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
36	Trần Văn Con	Đặc điểm cấu trúc và động thái của rừng khộp ở Tây Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 12/2006
37	Trần Văn Con, Dương Tiến Đức	Sustainable Forest resources management and Rehabiliatation of natural forest degraded by human-created disasters and natural calamities of Vietnam	Planning Workshop of the 2nd Phase of AKECOP Jakarta-Indonesia 2006 P 144-158
38	Trần Văn Con	Migration and tropical forests in the Central Highlands of Vietnam	The Social Ecology of Tropical Forests Migration, Population and Frontiers Kyoto University Press 10/2006 P 124-227
39	Nguyễn Huy Sơn	Ảnh hưởng của mật độ và phân bón đến sinh trưởng của rừng trồng thông carribê và bạch đàn uro ở Đại Lải-Vĩnh Phúc	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2006
40	Nguyễn Huy Sơn	Kết quả trồng rừng thâm canh Keo lai ở Công ty ván dăm Thái Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 18/2006
41	Trần Văn Con	Động thái cấu trúc của rừng tự nhiên ở Kon Hà Nừng	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2007
42	Trần Văn Con	Cơ sở khoa học để xây dựng mô hình quản lý bền vững rừng tự nhiên	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2007
43	Nguyễn Quang Dương, Đặng Thịnh Triều	Nghiên cứu ảnh hưởng của xử lý thực bì, làm đất và bón phân tới sinh trưởng một số loài keo ở Việt Nam	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 116/2007
44	Đặng Văn Thuyết Nguyễn Thanh Sơn Lương Thế Dũng	Xác định điều kiện gây trồng Thông caribê cung cấp gỗ lớn ở vùng Đông Bắc Bộ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2007
45	Đặng Thịnh Triều, Nguyễn Toàn Thắng	Kết quả bước đầu tuyển chọn cây trội cho việc cải thiện giống Hồi (*Illicium verum* Hookf) tại Văn Quan - Lạng Sơn	Tạp chí khoa học lâm nghiệp số 3/2007
46	Nguyễn Huy Sơn	Đặc điểm sinh lý và phương pháp bảo quản hạt Giổi xanh	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2007
47	Trần Văn Con	Cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chí rừng tự nhiên nghèo kiệt được phép cải tạo	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 5/2007

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
48	Trần Văn Con, Nguyễn Tiến Dũng	Một số đặc điểm cấu trúc rừng làm cơ sở đề xuất biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm quản lý rừng bền vững ở Kon Hà Nừng-Tây Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 6/2007
49	Trần Lâm Đồng, Nguyễn Bá Văn, Nguyễn Toàn Thắng, Lương Văn Dũng	Xác định loài, vùng phân bố và đặc điểm lâm học của các loài Dẻ ăn hạt ở Tây Nguyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 18/2007
50	Đặng Văn Thuyết Lương Thế Dũng Nguyễn Thanh Sơn	Nghiên cứu xác định điều kiện gây trồng Keo tai tượng vùng trung tâm cung cấp gỗ lớn	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2008
51	Đặng Văn Thuyết Lương Thế Dũng Nguyễn Thanh Sơn	Nghiên cứu xác định điều kiện gây trồng Keo tai tượng ở vùng Trung tâm cung cấp gỗ lớn	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2008
52	Đặng Thịnh Triều	Sinh khối cây cá thể Thông mã vĩ (*Pinus massoniana* Lanb) trồng thuần loài trên đất khác nhau tại vùng Đông bắc	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2008
53	Nguyễn Văn Thịnh Bùi Thanh Hằng	Thực trạng và giải pháp quản lý rừng và đất rừng huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2008
54	Hoàng Văn Thắng, Đoàn Thị Mai	Bước đầu nghiên cứu nhân giống Sở bằng giâm hom và ghép cây mầm	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2008
55	Trần Văn Con	Bản chất kinh tế của sản xuất lâm nghiệp và tính tất yếu của quá trình tích tụ ruộng đất	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2008
56	Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Toàn Thắng	Đặc điểm thảm thực vật khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn - Văn Bàn - Lào Cai	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 3/2008
57	Đặng Thịnh Triều	Sinh khối cây cá thể và mối tương quan giữa các nhân tố điều tra của Thông mã vĩ (*Pinus massoniana* Lamb) trồng thuần loài trên các cấp đất khác nhau tại vùng Đông Bắc	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2008
58	Đặng Thịnh Triều	Growth of five indigenous tree species planted in adegraded area of natural forest in Hoa Binh province, Vietnam	Kỷ yếu Hội thảo IUFRO, Shizuoka, Nhật Bản

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
59	Đặng Thịnh Triều	Khả năng hấp thụ carbon của rừng Thông mã vĩ (*Pinus massoniana* Lamb.) trồng thuần loài trên các cấp đất khác nhau tại vùng Đông Bắc" Tạp chí Lâm nghiệp	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 128/2008
60	Ngô Văn Cầm, Nguyễn Toàn Thắng, Nguyễn Bá Văn	Nghiên cứu đặc điểm tái sinh loài Dẻ anh (*Castanopsis piriformis* Hickel et Camus) tại Lâm Đồng	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2010
61	Trần Văn Con, Nguyễn Toàn Thắng	Kết quả xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật tỉa thưa rừng trồng thông đuôi ngựa thuần loài và Thông đuôi ngựa xen Keo tai tượng ở vùng dự án KfW1	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2008
62	Trần Văn Đô, Trần Lâm Đồng, Nguyễn Toàn Thắng, Nguyễn Bá Văn	Ảnh hưởng của kỹ thuật gieo ươm tới sinh trưởng của cây Giổi bắc (*Michelia maclurei* Dandy)	Tạp chí Khoa học lâm nghiệp, số 3/2008
63	Võ Đại Hải, Trương Tất Đơ	Đánh giá tác động xã hội của công tác quản lý rừng tại lâm trường Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2008
64	Nguyễn Huy Sơn	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của keo lai và Bạch đàn *Eucalyptus urophylla* (Uro) trên đất Bazan thoái hoá ở Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 3/2008
65	Nguyễn Quang Khải	Kết quả xây dựng mô hình thí nghiệm xúc tiến tái sinh tại Lau Bai, Hoà Bình	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2008
66	Hoàng Văn Thắng	Đặc điểm của một số mô hình rừng trồng Luồng ở các tỉnh phía Bắc	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2008
67	Trần Văn Con	Nghiên cứu đặc điểm lâm học rừng sản xuất là rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá ở các vùng sinh thái khác nhau	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 4/2008
68	Phạm Quang Tuyến	Kết quả nghiên cứu thu hái, bảo quản, xử lý và gieo ươm hạt Tô hạp Điện Biên (*Altingia siamensis*) tại Tây Bắc	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2008

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
69	Bùi Thanh Hằng, Nguyễn Văn Thịnh	Bước đầu thử nghiệm một số biện pháp thâm canh Luồng kết hợp canh tác nông nghiệp trên đất trống ở xã Vĩnh Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2008
70	Nguyễn Thanh Sơn Đặng Văn Thuyết	Nghiên cứu xác định vùng trồng bạch đàn *E. europhylla* cung cấp gỗ lớn ở bắc trung bộ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2008
71	Bùi Chính Nghĩa, Trần Văn Con	Phương pháp nghiên cứu cấu trúc và động thái của rừng thứ sinh giai đoạn phục hồi	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 10/2008
72	Nguyễn Huy Sơn	Nghiên cứu chọn và nhân giống Quế có năng suất tinh dầu cao	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2009
73	Nguyễn Thanh Sơn Đặng Văn Thuyết	Xác định vùng thích hợp gây trồng keo lai *A. mangium* x *A. auriculiformis* cung cấp gỗ lớn ở Bắc Trung Bộ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2009
74	Nguyễn Huy Sơn	Ảnh hưởng của tỉa thưa đến sinh trưởng và năng suất gỗ rừng trồng keo lai ở Đông Nam Bộ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 4/2009
75	Lê Văn Thành, Nguyễn Huy Sơn	Đánh giá kết quả tác động tạo trầm và thị trường tiêu thụ tinh dầu trầm hương	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2009
76	Nguyễn Toàn Thắng Trần Lâm Đồng Lương Văn Dũng	Nghiên cứu mối quan hệ giữa hình thái vỏ quả với chất lượng hạt giống loài Dẻ anh (*Castanopsis piriformis*)	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2009
77	Lại Thanh Hải	Xác định đường kính khai thác tối thiểu cho một số loài cây gỗ kinh doanh chủ yếu ở khu vực Kon Hà Nừng	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 5/2009
78	Lại Thanh Hải	Đánh giá nhanh Cacbon tại xã Lâm Sơn - huyện Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 6/2009
79	Nguyễn Huy Sơn	Điều tra đánh giá thực trạng phát triển cây Dó trầm ở nước ta hiện nay	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 12/2009
80	Nguyễn Huy Sơn, Trần Xuân Hân	Kết quả làm giầu rừng bằng cây Mây nếp ở xã Vạn Yên, Vân Đồn, Quảng Ninh	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 2/2010

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
81	Tran Van Đo, Akira Osawa, Nguyen Toan Thang	Recovery process of a mountain forest after shifting cultivation in Northwestern Vietnam	Forest Ecology and Management, Volume 259, issue 8, 31 March 2010
82	Đặng Thịnh Triều	Một số đặc điểm của rừng luồng trồng thuần loài tại Thanh Hóa	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2010
83	Trần Đức Mạnh Trần Văn Con	Kết quả mô phỏng động thái cấu trúc và đề xuất áp dụng trong kinh doanh rừng khộp ở Tây Nguyên	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2010
84	Nguyễn Huy Sơn Lê Văn Thành, Cao Văn Sơn	Tiềm năng bột giấy của gỗ cây Dó bầu (*Aquilaria crassna*)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 6/2010
85	Trieu Thai Hung, Don Koo Lee, Su Young Woo	Growth of several indigenous species in the degraded forest in the Northern Vietnam	International Journal of Physical Sciences, December 2010, 5(17):2664-2671
86	Trần Văn Con	Nghiên cứu đặc điểm lâm học một số hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2011
87	Tran Van Đo, Akira Osawa, Nguyen Toan Thang	Recovery in structure and species diversity of fallow stands after shifting cultivation in Northwestern Vietnam, with special reference to commercially valuable tree species	International Scholarly Research Network ISRN Ecology, Volume 2011, Article ID 751472
88	Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Văn Tiến	Đặc điểm lâm học quần thể và khả năng tái sinh của cây Re gừng ở vườn Quốc gia Xuân Sơn-Phú Thọ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2011
89	Tran Van Đo, Akira Osawa, Nguyen Toan Thang, Nguyen Ba Van, Bui Thanh Hang, Cam Quoc Khanh, Le Thi Thao, Diep Xuan Tuan	Population changes of early successional forest species after shifting cultivation in Northwestern Vietnam	New Forests (2011) 41
90	Hoàng Văn Thắng, Nguyễn Toàn Thắng, Phan Minh Quang	Đánh giá sinh trưởng của các loài keo trồng trong mô hình trình diễn của dự án phát triển ngành Lâm nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2011

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
91	Hoàng Thanh Sơn, Nguyễn Hoàng Nghĩa, Phạm Quang Tuyến, Trịnh Ngọc Bon	Đa dạng tài nguyên cây thuốc ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2011
92	Phạm Quang Tuyến, Bùi Thanh Hằng	Kết quả bước đầu nghiên cứu nhân giống Chò xanh (*Terminalia myrocarpa* Huerch et MA) tại Tây Bắc	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2011
93	Phan Văn Thắng, Tạ Minh Quang, Nguyễn Huy Sơn	Chọn lọc cây trội và xây dựng vườn giống Giổi xanh bằng cây ghép ở Hoành Bồ, Quảng Ninh	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 6/2011
94	Hoàng Văn Thắng, Nguyễn Xuân Quát	Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng Sở thâm canh cho vùng Tây bắc, Đông Bắc và Bắc Trung bộ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 11/2011
95	Nguyễn Toàn Thắng, Trần Lâm Đồng, Trần Văn Đô, Nguyễn Bá Văn, Bùi Mạnh Hưng	Nghiên cứu một số đặc điểm cấu trúc tầng cây cao rừng Dẻ anh (*Castanopsis piriformis*) tại Lâm Đồng	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 21/2011
96	Nguyễn Toàn Thắng, Triệu Thái Hưng, Trần Hoàng Quý, Vũ Tiến Lâm, Cao Chí Khiêm	Nghiên cứu đặc điểm tái sinh tự nhiên rừng Dẻ yên thế (*Castanopsis boisii* Hickel et Camus) tại Bắc Giang	Tạp chí kinh tế sinh thái, số 41/2011
97	Triệu Thái Hưng, Phạm Quang Tuyến Lê Hồng Liên	Ảnh hưởng của lập địa khác nhau đến sinh trưởng của cây mấy nếp (*Calamus tetradactylus* Hance) tại Lương Sơn Hòa Bình	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 23/2011
98	Su Young Woo, Trieu Thai Hung, Pil Sun Park	Stand structure and natural regeneration of degraded forestland in the Northern mountainous region of Vietnam	Landscape and Ecological Engineering, July 2011, 7(2):251-261 DOI: 101007/s11355-010-0130-3
99	Dương Tiến Đức	Kết quả nghiên cứu đặc điểm lâm học và phân bố của loài cây Chùm ngây (*Moringa oleifera*) tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tạp chí kinh tế sinh thái, số 41/2011
100	Phan Minh Sáng	Mô phỏng năng suất rừng trồng Keo tai tượng (*Acacia mangium*) bằng phần mềm động thái 3 PG	Tạp chí kinh tế sinh thái, số 41/2011

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
101	Phan Minh Sáng, Mark Bonner, David Lamb, Susanne, Schmidt	Carbon and soil fertility of tropical tree plantation and secondary forest established on degraded land	Plant and Soil, số 362 (1), 2012
102	Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Văn Tiến	Ảnh hưởng của phân bón và ánh sáng đến sinh trưởng của cây Re gừng trong giai đoạn vườn ươm	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2012
103	Nguyễn Huy Sơn, Hoàng Minh Tâm	Ảnh hưởng của mật độ và phân bón đến năng suất rừng trồng Keo lai 9,5 năm tuổi ở Quảng Trị	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2012
104	Đặng Văn Thuyết Cấn Thị Lan	Kết quả nghiên cứu nhân giống hom Tống quá sủ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2012
105	Đặng Văn Thuyết, Nguyễn Văn Hùng	Kết quả nghiên trồng thử một số giống bạch đàn ở Sơn La	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2012
106	Nguyễn Toàn Thắng, Trần Hoàng Quý, Bùi Thanh Hằng, Vũ Tiến Lâm, Cao Chí Khiêm	Một số đặc điểm cấu trúc rừng Dẻ yên thế (*Castanopsis boisii* Hickel. et Camus) tại Bắc Giang	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2012
107	Nguyễn Huy Sơn, Phan Văn Thắng	Nâng cao chất lượng giống các loài cây bản địa phục vụ làm giầu rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 12/2012
108	Nguyễn Huy Sơn, Phan Văn Thắng	Ảnh hưởng của ánh sáng và phân bón đến sinh trưởng của cây con Giổi xanh trong giai đoạn vườn ươm	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 15/2012
109	Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Thanh Minh	Cơ sở khoa học bước đầu chuyển hóa rừng trồng Keo lai cung cấp gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn ở Đông Nam Bộ	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 1/2013
110	Bùi Kiều Hưng, Phan Thị Luyến Lê Văn Quang	Nghiên cứu kỹ thuật trồng Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* TLWu.) trên đất vườn đồi tại khu vực vùng đệm VQG Ba Vì	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2013

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
111	CL Beasdle, DT Trieu & CE Harwood. 2013	Thinning increases saw-log values in fast-growing plantations of Acacia hybrid in Vietnam	Journal of Tropical Forest Science 25 (1):42-51 (2013)
112	Đặng Thịnh Triều, Angus McEwin, Nguyễn Thế Chiến, Trương Tất Đơ	Tiềm năng hấp thụ CO_2 của rừng lá rộng thường xanh tại Hà Tĩnh	Tạp chí Rừng và Môi trường, số 60/2013
113	Bùi Kiều Hưng, Phan Thị Luyến, Lê Văn Quang	Tiềm năng đất đai phát triển cây Sa nhân tím trên đất vườn đồi tại xã Yên Bài, huyện Ba Vì, Hà Nội	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2013
114	Phạm Quang Tuyến Nguyễn Thị Vân Anh Hoàng Thanh Sơn Trịnh Ngọc Bon Đỗ Thị Thanh Hà Trần Cao Nguyên Phan Minh Quang	Tính đa dạng thực vật tại 2 xã Mù Cả và Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2013
115	Đặng Văn Thuyết Nguyễn Văn Trường	Nghiên cứu trồng rừng Thông caribe cung cấp gỗ lớn	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 21/2013
116	Tran Van Con, Nguyen Toan Thang, Do Thi Thanh Ha, Cao Chi Khiem, Tran Hoang Quy, Vu Tien Lam, Tran Van Do, Tamotsu Sato	Relationship between above-ground biomass and measures of structure and species diversity in tropical forests of Vietnam	Forest Ecology and Management, 310 (2013)
117	Hoàng Văn Thắng, Bùi Thanh Hằng, Phạm Đình Sâm, Hoàng Thị Nhung, Cao Văn Lạng	Một số loài cây Lâm nghiệp có khả năng cho dầu ở Việt Nam	Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam, số 19 năm 2013
118	Nguyễn Huy Sơn, Nguyễn Thanh Minh	Khả năng cung cấp gỗ lớn của rừng trồng Keo lá tràm 11 năm tuổi ở Đồng Nai	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2014
119	Tran Lam Dong, Chris Beadle, Richard Doyle, Dale Worledge	Site conditions for regeneration of *Hopea odorata* Roxb. in natural evergreen dipterocarp forest in southern Vietnam	Journal of Tropical Forest Science, 6/2014
120	David I. Forrester, R. Guisasola, X. Tang, A.T. Albrecht, Tran Lam Dong, G.I. Maire	Using a stand-level model to predict light absorption in stands with vertically and horizontally heterogeneous canopies	Forest Ecosystems, 1/2014

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
121	Tran Lam Dong, Richard Doyle, Chris Beadle, Ross Corkrey, Nguyen Xuan Quat	Impact of short-rotation *Acacia* hybrid plantations on soil properties of degraded lands in Central Vietnam	Soil Research, 52/2014
122	Phạm Quang Tuyến Bùi Thanh Hằng Nguyễn Thị Vân Anh Đỗ Thị Thanh Hà Trần Anh Hải	Kết quả bước đầu khảo nghiệm một số dòng cây Macadamia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 3/2014
123	Trịnh Ngọc Bon Phạm Quang Tuyến Nguyễn Đức Tưng	Đa dạng thực vật quý hiếm tại khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2014
124	Nguyễn Huy Sơn, Trương Tuấn Anh	Sinh trưởng của rừng giống và vườn giống Sồi phảng trồng tại Hoành Bồ, Quảng Ninh	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 6/2014
125	Hoàng Văn Thắng, Nguyễn Toàn Thắng, Hoàng Thị Nhung, Delia C. Catacutan, Nguyễn Mai Phương, Bùi Thanh Hằng	Một số mô hình NLKH chính và thị trường tiêu thụ các sản phẩm từ mô hình ở Bắc Giang	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyên đề khuyến nông, Chuyên đề Khuyến nông, tháng 7/2014
126	Dang Van Thuyet, Tran Van Do, Tamotsu Sato, Trieu Thai Hung.	Species and shelterbelt structure on wind speed reduction in shelter	Agroforestry System/Springer Verlag/Netherland, 2014
127	Tran Van Do, Osamu Kozan, Tran Minh Tuan	Altitudinal changes in species Diversity and stand structure of Tropical Forest, Viet Nam	Annual Research & Review in Biology, 2014, 6
128	Phạm Quang Tuyến, Đỗ Văn Ánh, Ngô Văn Độ, Nguyễn Quang Hưng, Phan Minh Quang	Kết quả bước đầu nghiên cứu nhân giống cây Thông xuân nha (*Pinus cernua* LKPhan ex Aver., KSNguyen & THNguyen spnov.) phục vụ công tác bảo tồn	Tạp chí Kinh tế Sinh thái số 48, tháng 4/2015
129	Lại Thanh Hải Trần Anh Hải Phạm Đình Sâm	Đánh giá sinh trưởng của Mây nếp K83 (*Calamus tetradactylus* Hance) trong các mô hình dự án khuyến nông tại vùng đệm Vườn Quốc gia Ba Vì	Tạp chí khoa học lâm nghiệp, số 2/2015

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
130	Trần Văn Đô, Nguyễn Toàn Thắng, Đặng Văn Thuyết, Trần Quang Trung, Trần Hoàng Quý, Nguyễn Thị Thu Phương, Bùi Hữu Thưởng	Nghiên cứu tổng sinh khối rễ cám sản sinh hàng năm cho rừng tự nhiên lá rộng thường xanh tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Copia	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 2/2015
131	Tran Van Do, Pham Ngoc Dung, Osamu Kozan and Nguyen Toan Thang	Nursery Techniques and Primary Growth of *Rhizophora apiculata* Plantation in Coastal Area, Central Vietnam,	Annual Research & Review in Biology, 2015 6(6)
132	Le Van Thanh, Tran Văn Do, Nguyen Huy Son, Tamotsu Sato, Osamu Kozan	Impacts of biological, chemical and mechanical treatments on sesquiterpene content in stems of planted *Aquilaria crassna* trees	Agroforest Syst, DOI 101007/s10457-015-9829-3 Published online: 29 July 2015
133	Hoang Van Thang, Tran Van Do, Osamu Kozan and Delia C.Catacutan	Cost-Benefit Analysis for Agroforestry Systems in Vietnam	Asian Journal of Agricultural Extension 5/2015
134	Tran Van Do, Tamotsu Sato, Satoshi Saito, Osamu Kozan, Hiromi Yamagawa, Dai Nagamatsu, Naoyuki Nishimura, Tohru Manabe	Effects of micro-topographies on stand structure and tree species diversity in an old-growth evergreen broad-leaved forest, Southwestern Japan	Global Ecology and Conservation, 2015, 4
135	Tran Van Do, Tamotsu Sato, Satoshi Saito, Osamu Kozan	Fine-root production and litterfall: main contributions to net primary production in an old-growth evergreen broad-leaved forest in Southwestern Japan	Ecol Res, 2015,DOI 10
136	Thinh Van Nguyen, Ralph Mitlöhner, Nguyen Van Bich and Tran Van Do	Environmental Factors Affecting the Abundance and Presence of Tree Species in a Tropical Lowland Limestone and Non-limestone Forest in Ben En National Park, Vietnam	Journal of Forest and Environmental Science, 2015 Aug, 31(3): 177-191
137	Nguyen Van Thinh, Ralph Mitlöhner, Nguyen Van Bich	Comparison of floristic composition in four sites of a tropical lowland forest on the North-Central Coast of Vietnam	Journal of Nature and Science, Vol1, No8, e144, 2015
138	Le Van Binh, Nguyen Van Thinh, Reinhard Köpp, Vo Dai Hai, Ralph Mitlöhner	Responses of Native Tree Species to Soil Water Stress in a Tropical Forest on Limestone, Vietnam	Open Journal of Forestry Vol5 No7, October 2015

TT	Tên tác giả	Tên bài báo	Nơi và năm công bố
139	Tran Van Do, Tamotsu Sato, Vo Dai Hai, Nguyen Toan Thang, Nguyen Trong Binh, Nguyen Huy Son, Dang Van Thuyet, Bui The Doi, Hoang Van Thang, Trieu Thai Hung, Tran Van Con, Osamu Kozan, Ngo Van Cam, Le Van Thanh	Aboveground phytomass and tree species diversity along altitudinal gradient in Central Highland, Vietnam	Ecology, Volume 56, No4, September, 2015
140	Nguyễn Toàn Thắng, Lương Văn Dũng, Lê Xuân Trường, Nguyễn Văn Hào	Ảnh hưởng của đai cao đến một số đặc điểm lâm học của rừng tự nhiên lá rộng thường xanh có Dẻ anh (*Castanopsis piriformis*) phân bố tại tại Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông	Tạp chí khoa học lâm nghiệp, số 3/2015
141	Trần Văn Đô, Trần Quang Trung, Nguyễn Toàn Thắng, Đặng Văn Thuyết, Trần Hoàng Quý, Hoàng Thanh Sơn	Nghiên cứu xác định tổng sinh khối quang hợp cho rừng tự nhiên lá rộng thường xanh tại Sơn La	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 16/2015
142	Nguyễn Toàn Thắng, Lê Xuân Trường, Phạm Văn Vinh	Nghiên cứu ảnh hưởng của các phương pháp xử lý và bảo quản đến tỷ lệ nảy mầm của hạt Dẻ anh (*Castanopsis piriformis* Hickel. & ACamus)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 18/2015
143	Trần Văn Con, Nguyễn Toàn Thắng, Vũ Tiến Lâm, Trần Hoàng Quý	Ảnh hưởng của kỹ thuật ghép đến tỷ lệ sống và sinh trưởng chồi ghép loài Dẻ anh (*Castanopsis piriformis* Hickel & ACamus)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 20/2015
144	Phạm Hữu Hạnh, Nguyễn Huy Sơn	Ảnh hưởng của phân bón và ánh sáng đến sinh trưởng của cây con Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria* Lour) trong giai đoạn vườn ươm	Tạp chí khoa học lâm nghiệp, số 3/2015

Phần 3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

3.1. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng Viện Nghiên cứu Lâm sinh tiên tiến, hiện đại, đạt trình độ nghiên cứu khoa học và công nghệ ngang tầm các nước trong khu vực và hội nhập quốc tế, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp và Chiến lược Nghiên cứu Lâm nghiệp, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

3.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống tổ chức, kết hợp nghiên cứu với sản xuất và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm đưa trình độ nghiên cứu khoa học của Viện đạt ngang tầm các nước trong khu vực và tiến tới đạt trình độ các nước tiên tiến;

- Đáp ứng yêu cầu khoa học và công nghệ cho định hướng phát triển ngành, xu hướng phát triển lâm nghiệp của khu vực và thế giới, đặc biệt là vấn đề xây dựng, phát triển, sử dụng rừng và quản lý rừng bền vững;

- Nâng cao hiệu quả nghiên cứu, gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học đối với phát triển của ngành.

3.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Nghiên cứu Lâm sinh được xây dựng trên quan niệm lâm sinh là khoa học và thực tiễn của việc thiết lập, phát triển, quản lý và sử dụng các hệ sinh thái rừng (cả tự nhiên và nhân tạo) để đáp ứng các mục tiêu sản xuất và dịch vụ môi trường một cách tối ưu nhất xét cả ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Nghiên cứu lâm sinh sẽ bao gồm các lĩnh vực chính sau:

3.3.1. Lâm sinh rừng tự nhiên

Nghiên cứu cơ bản, cơ sở về quy luật lâm học rừng tự nhiên để xây dựng lý thuyết lâm học rừng tự nhiên nhiệt đới; nghiên cứu xây dựng các hệ thống giải pháp kỹ thuật trong xây dựng, phát triển, sử dụng và quản lý rừng tự nhiên bền vững, nâng cao giá trị kinh tế - xã hội và môi trường - sinh thái của rừng.

3.3.2. Lâm sinh rừng trồng

Nghiên cứu cơ sở để lựa chọn loài cây trồng rừng và lập địa phù hợp, nghiên cứu chọn giống, kỹ thuật nhân giống, tiêu chuẩn cây con, các quy luật lâm học rừng trồng làm cơ sở cho xây dựng các công nghệ trồng, quản lý rừng trồng theo hướng thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng và có hiệu quả, duy trì và nâng cao các giá trị sinh thái và môi trường của rừng trồng. Nghiên cứu trồng rừng sản xuất gỗ lớn từ các loài cây mọc nhanh và cây bản địa đáp ứng nhu cầu gỗ xẻ trong nước.

3.3.3. Điều tra, sản lượng và quản lý rừng

Các nghiên cứu cơ bản, cơ sở về phương pháp bố trí thí nghiệm, điều tra, đo đạc và phân tích, xử lý dữ liệu đo đếm trong nghiên cứu lâm nghiệp và sinh thái rừng; điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên rừng các quy mô; nghiên cứu sinh trưởng và sản lượng gỗ, sinh khối và hấp thụ các-bon rừng trồng và rừng tự nhiên; quy hoạch quản lý rừng và quản lý ngành lâm nghiệp các cấp; nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong điều tra, quy hoạch và quản lý rừng.

3.3.4. Tài nguyên thực vật rừng

Nghiên cứu cơ bản, cơ sở về phân loại học thực vật, quy luật tiến hóa và thoái hóa của các quần xã thực vật rừng và các loài thực vật; đa dạng sinh học, nghiên cứu sinh thái học quần xã, loài và cá thể thực vật rừng; đánh giá, phân loại tài nguyên thực vật để đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển, khai thác và sử dụng (nếu có) các loài.

3.3.5. Nông lâm kết hợp

Nghiên cứu nguyên lý lâm học cho các hệ thống nông lâm kết hợp giữa cây lâm nghiệp, cây nông nghiệp và/hoặc chăn thả; nghiên cứu đề xuất các giải pháp kỹ thuật kết hợp cây gỗ với các thành phần nhằm tạo ra hệ sinh thái nông lâm kết hợp bền vững về sinh thái, môi trường và hiệu quả về kinh tế - xã hội. Nghiên cứu các hình thức xã hội hóa nghề rừng.

3.3.6. Các đối tượng đặc biệt (rừng ngập mặn, rừng vùng khô hạn, rừng vùng lập địa khó khăn, ven biển)

Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng, sử dụng bền vững gắn với biến đổi khí hậu phòng chống thiên tai kết hợp sản xuất lấy mục tiêu phòng hộ môi trường, sinh thái là trung tâm.

3.3.7. Chính sách

Nghiên cứu cơ sở khoa học về lâm sinh để hoàn thiện hệ thống thể chế và chính sách, đặc biệt trong xây dựng, phát triển, sử dụng và quản lý rừng.

3.3.8. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

Nghiên cứu cơ sở khoa học cho quản lý bền vững rừng tự nhiên và rừng trồng phù hợp với các quy định trong nước và quốc tế hướng tới cấp chứng chỉ rừng. Xây dựng Viện thành đơn vị đủ năng lực để xây dựng và chuyển giao các phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng.

3.3.9. Phát triển công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Trên cơ sở các nghiên cứu cơ bản, cơ sở và các nghiên cứu ứng dụng, đề xuất các giải pháp, quy trình công nghệ lâm sinh và kỹ thuật chi tiết; chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật.

Phần 4

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

4.1. Danh sách CBVC&NLĐ Viện NC Lâm sinh tính đến 31/12/2015

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Trình độ đào tạo	Chuyên môn
		Nam	Nữ			
Ban Lãnh đạo Viện						
1	Nguyễn Huy Sơn	12/12/1956		Hải Dương	PGS.TS	Trồng rừng
2	Trần Lâm Đồng	21/10/1973		Phú Thọ	TS	Trồng rừng
3	Lại Thanh Hải	20/9/1966		Nam Định	ThS	Lâm học
4	Phan Minh Sáng	18/11/1975		Phú Thọ	TS	Điều tra
Phòng Tổ chức, Hành chính						
1	Đinh Văn Ba	22/5/1959		Hải Phòng	ĐH	KTLN
2	Nguyễn Thanh Sơn	7/8/1976		Thanh Hóa	ThS	Lâm học
3	Nguyễn Huy Trường	18/10/1974		Hà Nội	Lái xe	Lái xe
4	Nguyễn Thị Xuân Mai		16/9/1970	Thái Bình	ĐH	KTDN
5	Nguyễn Hữu Thịnh	27/8/1987		Hà Nội	Lái xe	Lái xe
Phòng Kế hoạch, Tài chính						
1	Nguyễn Toàn Thắng	15/5/1977		Hà Nam	ThS	Lâm học
2	Cao Chí Khiêm	3/2/1983		Hưng Yên	ThS	Lâm học
3	Trần Thị Minh Nguyệt		12/8/1980	Bắc Giang	ĐH	Kế toán
4	Vũ Tiến Lâm	17/9/1981		Nam Định	ThS	Lâm học
5	Lý Thị Thanh Huyền		1/1/1981	Bắc Kạn	ThS	KTLS
6	Đỗ Hoàng Hà		28/10/1991	Ninh Bình	CĐ	Kế toán

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Trình độ đào tạo	Chuyên môn
		Nam	Nữ			
Bộ môn Lâm học						
1	Phạm Quang Tuyến	3/12/1982		Nam Định	ThS	Lâm học
2	Ninh Việt Khương	5/8/1982		Bắc Giang	ThS	KTLS
3	Trần Văn Con	7/5/1954		Quảng Bình	PGS.TS	Lâm học
4	Triệu Thái Hưng	21/8/1980		Bắc Kạn	ThS	Lâm học
5	Trần Văn Đô	5/1/1975		Hà Nội	TS	Lâm học
6	Nguyễn Thị Thu Phương		22/9/1981	Bắc Ninh	ĐH	Lâm học
7	Trần Hoàng Quý	1/2/1984		Quảng Bình	ThS	Lâm học
8	Đỗ Thị Thanh Hà		15/10/1984	Hoà Bình	ThS	Lâm học
Bộ môn Kỹ thuật Lâm sinh						
1	Đặng Thịnh Triều	2/11/1968		Thanh Hóa	TS	Trồng rừng
2	Đặng Văn Thuyết	2/12/1969		Hà Nội	TS	Trồng rừng
3	Trần Anh Hải	15/4/1988		Nghệ An	ĐH	Trồng rừng
4	Nguyễn Văn Bích	15/12/1983		Nghệ An	ThS	Lâm học
5	Lê Thị Hạnh		9/10/1986	Nam Định	ThS	Lâm học
6	Dương Quang Trung	10/8/1987		Thanh Hóa	ĐH	Lâm học
7	Nguyễn Thùy Linh		18/6/1990	Hà Nội	ĐH	Lâm học
Bộ môn Nghiên cứu Điều tra và Quy hoạch rừng						
1	Lưu Cảnh Trung	4/8/1975		Phú Thọ	TS	Lâm nghiệp
2	Nguyễn Văn Thịnh	30/6/1980		Hà Nội	TS	Lâm học
3	Phan Minh Quang	6/9/1984		Hà Nội	ThS	Lâm học
4	Nguyễn Thị Thùy		24/3/1986	Hà Nội	ThS	Lâm học
5	Hồ Trung Lương	8/10/1988		Nghệ An	ThS	Lâm học
6	Phạm Tiến Dũng	14/5/1989		Ninh Bình	ThS	Lâm học
7	Nguyễn Kim Trung	25/8/1982		Bắc Ninh	ThS	Sinh học
8	Nguyễn Thị Thúy Hường		28/9/1984	Hà Nội	ThS	Lâm học
9	Nguyễn Huy Hoàng	10/9/1985		Tuyên Quang	ThS	Lâm học
10	Đinh Hải Đăng	11/10/1990		Hải phòng	ĐH	Lâm học

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Trình độ đào tạo	Chuyên môn
		Nam	Nữ			
Bộ môn Tài nguyên Thực vật rừng						
1	Hoàng Thanh Sơn	24/2/1983		Thái Bình	ThS	Sinh học
2	Nguyễn Thị Vân Anh		3/2/1988	Hà Nội	ĐH	QLTNR&MT
3	Nguyễn Quang Hưng	26/9/1979		Hải Dương	ThS	KTLS
4	Trịnh Ngọc Bon	27/8/1985		Ninh Bình	CH	Sinh học
5	Phạm Văn Vinh	2/12/1985		Nghệ An	ĐH	Lâm nghiệp
Bộ môn Nông lâm kết hợp						
1	Phạm Đình Sâm	14/12/1976		Nghệ An	ThS	Lâm học
2	Bùi Thanh Hằng		30/1/1976	Nam Định	ThS	Lâm học
3	Hoàng Thị Nhung		26/10/1982	Hà Nội	CH	LNXH
4	Vũ Đức Năng	16/9/1972		Hà Nam	ThS	Trồng rừng
5	Hoàng Văn Thành	12/8/1984		Thanh Hóa	ThS	Lâm học
6	Cao Văn Lạng	5/5/1990		Nam Định	ĐH	Lâm học
Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm sinh						
1	Trần Đức Mạnh	04/11/1973		Hà Nội	ThS	Lâm học
2	Bùi Kiều Hưng	03/8/1977		Hà Nội	ThS	Lâm học
3	Đỗ Văn Thọ	07/7/1065		Hà Nội	ĐH	Kế Toán
4	Trần Ngọc Tuệ	19/8/1959		Hà Nam	ĐH	KT/XD
5	Lê Thị Bích Thảo		08/12/1986	Thái Bình	ĐH	KTLS
6	Đào Thị Huyền		4/12/1980	Hòa Bình	ThS	KTLS
7	Phan Thị Luyến		28/7/1988	Hà Nội	CH	KTLS
8	Lương Thị Cẩm Chi		02/6/1986	Nghệ an	ThS	KTLS
9	Trần Cao Nguyên	11/4/1987		Hà Nội	ThS	Lâm học
10	Nguyễn Thị Phương		18/12/1986	Thái Bình	CH	Lâm học
11	Lê Văn Quang	4/5/1987		Hà Nội	CH	KTLS
12	Phạm Đôn	01/11/1981		Thái Bình	ThS	Lâm học
13	Đỗ Anh Dũng	05/05/1972		Hà Nội	Lái xe	Lái xe
14	Bùi Văn Đựng	15/6/1978		Hòa Bình		Bảo vệ

4.2. Danh sách CB, VC&NLĐ của các đơn vị tiền thân hoặc đã công tác tại Viện Nghiên cứu Lâm sinh

Do không có hồ sơ lưu trữ đầy đủ nên danh sách các CB, VC&NLĐ của các đơn vị tiền thân của Viện Nghiên cứu Lâm sinh sau đây có thể chưa đầy đủ.

TT	Họ và tên	Chức danh/đơn vị công tác khi nghỉ hưu/chuyển công tác
I	***Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp***	
1	Trần Ngũ Phương	Viện trưởng, phụ trách Khoa Lâm học
2	Vũ Đức Minh	Đội trưởng độ điều tra lâm học, Khoa Lâm học
3	Thái Văn Trừng	Tổ trưởng Tổ Thực vật, Khoa Lâm học
4	Nguyễn Ánh Tiếp	Tổ trưởng Tổ Lâm học Đại cương, Khoa Lâm học
5	Hà Văn Khìn	Tổ Lâm học Đại cương, Khoa Lâm học
6	Đặng Văn Đàm	Tổ Lâm học Thực nghiệm, Khoa Lâm học
7	Nguyễn Tử Ưởng	Tổ Lâm học Thực nghiệm, Khoa Lâm học
8	Hoàng Xuân Tý	Tổ Nghiên cứu Đất rừng, Khoa Lâm học
9	Nguyễn Ngọc Bình	Tổ Nghiên cứu Đất rừng, Khoa Lâm học
10	Đỗ Đình Sâm	Tổ Nghiên cứu Đất rừng, Khoa Lâm học
11	Trần Ngọc Đang	Tổ Nghiên cứu Động vật, Khoa Lâm học
12	Phí Thị Kim Chi	Phòng phân tích đất, Khoa Lâm học
13	Nguyễn Thị Huấn	Phòng phân tích đất, Khoa Lâm học
14	Chu Văn Vĩnh	Phòng phân tích đất, Khoa Lâm học
15	Lâm Công Định	Chủ nhiệm Khoa Trồng rừng
16	Hoàng Sơn	Tổ Trồng rừng, Khoa Trồng rừng
17	Phạm Văn Tích	Tổ Trồng rừng, Khoa Trồng rừng
18	Nguyễn Thị Chương	Tổ Trồng rừng, Khoa Trồng rừng
19	Lê Cảnh Huyền	Tổ Giống cây rừng, Khoa Trồng rừng
20	Nguyễn Sỹ Đương	Tổ Giống cây rừng, Khoa Trồng rừng
21	Nguyễn Sỹ Giao	Tổ Sâu bệnh hại cây rừng, Khoa Trồng rừng
22	Nguyễn Văn Đoài	Chủ nhiệm, Khoa Trồng rừng

TT	Họ và tên	Chức danh/đơn vị công tác khi nghỉ hưu/chuyển công tác
23	Từ Như Ảnh	Phó Chủ nhiệm, Khoa Trồng rừng
24	Lê Nam Hùng	Tổ Sâu bệnh hại cây rừng, Khoa Trồng rừng
25	Đoàn Chương	Tổ Sâu bệnh hại cây rừng , Khoa Trồng rừng
26	Hoàng Chương	Tổ Giống cây rừng, Khoa Trồng rừng
27	Ngô Đình Tặng	Bộ môn Trồng rừng
28	Phạm Quang Minh	Bộ môn Trồng rừng
II	***Viện Lâm nghiệp (1972-1988)***	
1	Nguyễn Văn Trương	Chủ nhiệm Khoa Điều tra
2	Nguyễn Hồng Quân	Tổ Lập biểu, Khoa Điều tra (0913.206.069)
3	Nguyễn Bá Chất	Tổ Điều tra, Khoa Điều tra (0913.305.090)
4	Thái Văn Trừng	Viện phó kiêm Chủ nhiệm Khoa Thực vật
5	Trịnh Đình Thanh	Tổ Phân loại, Khoa Thực vật
6	Nguyễn Hữu Hiến	Tổ Phân loại, Khoa Thực vật
7	Phạm Nguyên Lạn	Tổ Tiêu bản, Khoa Thực vật
8	Nguyễn Thị Vóc	Tổ Tiêu bản, Khoa Thực vật
9	Lê Viết Lộc	Tổ Tiêu bản, Khoa Thực vật
10	Bùi Ngạnh	Trưởng Bộ môn Khí tượng thủy văn
11	Vương Tấn Nhị	Trưởng Bộ môn Bộ môn Lâm học
12	Thái Văn Trừng	Tổ Chuyên đề Bồ đề, Bộ môn Lâm học
13	Đoàn Bổng	P. Trưởng phòng Nghiên cứu Trồng rừng
14	Vũ Đình Phương	Trưởng phòng Nghiên cứu Rừng tự nhiên
15	Nguyễn Ngọc Bình	Trưởng phòng Nghiên cứu Nông lâm kết hợp
16	Giang Văn Thắng	Phòng Nghiên cứu Rừng tự nhiên
17	Phạm Thế Dũng	Phòng Nghiên cứu Trồng rừng
18	Phạm Khôi Khoa	Xưởng Chế tạo công cụ mẫu
19	Lê Văn Duyệt	Xưởng Chế tạo công cụ mẫu
20	Hoàng Thị Vinh	Xưởng Chế tạo công cụ mẫu

TT	Họ và tên	Chức danh/đơn vị công tác khi nghỉ hưu/chuyển công tác
III	***Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (1988-2015)***	
1	Nguyễn Luyện	Bộ môn Trồng rừng
2	Trần Nguyên Giảng	Bộ môn Lâm học
3	Nguyễn Đình Hưng	Bộ môn Lâm học
4	Nguyễn Ngọc Lung	P. Trưởng phòng Nghiên cứu KTLS (0913.213.009)
5	Nguyễn Xuân Quát	Trưởng phòng NCKTLS (0914.436.079)
6	Trần Quang Việt	P. Trưởng phòng Nghiên cứu KTLS
7	Cao Thọ Ứng	Phòng Nghiên cứu KTLS
8	Đào Công Khanh	P. Trưởng phòng NCKTLS (0913.321.963)
9	Trần Ngọc Anh	Phòng Nghiên cứu KTLS
10	Cao Quang Nghĩa	Phòng Nghiên cứu KTLS (01697.916.606)
11	Nguyễn Quang Khải	Phòng Nghiên cứu KTLS (0913.045.152)
12	Phạm Khôi Khoa	G.đốc Trung tâm ƯDKHKTLN (0984.092.948)
13	Trần Ngọc Đang	Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN (0913.382.333)
14	Nguyễn Văn Duyệt	P. Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN (0906.054.588)
15	Phạm Đình Tam	Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN (0913.345.648)
16	Viên Ngọc Hùng	Phòng NCKTLS (0438.362.497; 0969.265.106)
17	Nguyễn Thị Êm	Phòng Nghiên cứu KTLS (0438.384.741)
18	Nguyễn Thanh Đạm	Phòng NCKTLS (0378.872.581;0948.036.759)
19	Hoàng Văn Bốn	Phòng NC KTLS (0439.324.125; 01239.528.889)
20	Vũ Văn Mễ	Phòng Nghiên cứu KTLS (0903.257.387)
21	Phạm Thị Hoàng Trịnh	Phòng Nghiên cứu KTLS (0438.341.600)
22	Nguyễn Danh Mô	Phòng Nghiên cứu KTLS (0437.562.600)
23	Nguyễn Thị Oanh	Phòng Nghiên cứu KTLS (0437.613.598)
24	Võ Đại Hải	Phòng Nghiên cứu KTLS (0983.004.637)
25	Hoàng Văn Thắng	Viện Nghiên cứu Lâm sinh (0983.267.900)
26	Trương Tất Đơ	Phòng Nghiên cứu KTLS (0912.820.599)

TT	Họ và tên	Chức danh/đơn vị công tác khi nghỉ hưu/chuyển công tác
27	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Nghiên cứu KTLS
28	Ngô Thị Ngọc	Phòng Nghiên cứu KTLS
29	Hoàng Thị Vinh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
30	Lê Thanh Nghị	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
31	Nguyễn Thị Tâm	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
32	Phạm Minh Thanh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
33	Nguyễn Văn Hoạt	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
34	Nguyễn Thế Hiển	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
35	Nguyễn Chí Lập	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
36	Phùng Thị Thơ	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
37	Lê Trần Huyên	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
38	Nguyễn Hữu Đức	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
39	Trần Ngọc Đang	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
40	Nguyễn Ngọc Tâm	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
41	Nguyễn Quốc Thưởng	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
41	Nguyễn Phú Nghiệp	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
43	Đinh Văn Tiêu	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
44	Ngô Duy Bình	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
45	Phạm Văn Tắng	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
46	Trịnh Xuân Tú	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
47	Hoàng Thị Liên	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
48	Trịnh Thị Từ	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
49	Nguyễn Thị Bích Thủy	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
50	Nguyễn Thị Phơ	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
51	Nguyễn Thị Hồng Mứt	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
52	Nguyễn Thị Hồng Đạt	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
53	Hoàng Thị Điệp	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN

TT	Họ và tên	Chức danh/đơn vị công tác khi nghỉ hưu/chuyển công tác
54	Lê Thị Nhã	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
55	Nguyễn Ngọc Minh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
56	Nguyễn Minh Tuấn	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
57	Ngô Mỹ Hạnh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
58	Nguyễn Thị Liễu	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
59	Phan Thị Thân	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
60	Hà Thị Quần	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
61	Nguyễn Xuân Thanh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
62	Nguyễn Thọ Ninh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
63	Nguyễn Hữu Đức	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
64	Trần Thị Huệ	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
65	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
66	Nguyễn Thị Châu	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
67	Man Thị Sen	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
68	Vũ Thị Hải	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
69	Nguyễn Văn Mão	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
70	Nguyễn Đức Thiệp	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
71	Đinh Xuân Trung	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
72	Nguyễn Thị Rơi	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
73	Nguyễn Thị Ngoan	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
74	Nguyễn Thị Thúy Vân	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
75	Nguyễn Thị Nga	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
76	Đặng Thuận Thành	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
77	Phùng Thị Hạ	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
78	Phạm Thị Hải	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
79	Nguyễn Khánh Linh	TT Dịch vụ KHKTLN/TT Ứng dụng KHKTLN
80	Phạm Hồng Tiến	TT Ứng dụng KHKTLN

TT	Họ và tên	Chức danh/đơn vị công tác khi nghỉ hưu/chuyển công tác
81	Nguyễn Tiến Linh	TT Ứng dụng KHKTLN
82	Lê Trần Huyên	TT Ứng dụng KHKTLN
83	Phạm Vương Khoa	TT Ứng dụng KHKTLN
84	Hoàng Nguyễn Việt Hoa	TT Ứng dụng KHKTLN
85	Lê Duy	TT Ứng dụng KHKTLN
86	Nguyễn Xuân Lân	TT Ứng dụng KHKTLN
87	Lưu Thắng Lợi	TT Ứng dụng KHKTLN
89	Nguyễn Văn Tôn	TT Ứng dụng KHKTLN
90	Âu Văn Bẩy	TT Ứng dụng KHKTLN
91	Đặng Quang Hưng	TT Ứng dụng KHKTLN
92	Nguyễn Bá Triệu	TT Ứng dụng KHKTLN
93	Công Thị Thu	TT Ứng dụng KHKTLN
94	Nguyễn Đức Huy	TT Ứng dụng KHKTLN
95	Nguyễn Trung Kiên	TT Ứng dụng KHKTLN
96	Nguyễn Xuân Nam	TT Ứng dụng KHKTLN
97	Nguyễn Ngọc Hải	TT Ứng dụng KHKTLN
98	Nguyễn Bá Văn	Viện Nghiên cứu Lâm sinh
99	Bùi Văn Tùng	TT Ứng dụng KHKTLN
100	Hoàng Hải Triều	TT Ứng dụng KHKTLN
101	Nguyễn Hoàng Tiệp	TT Ứng dụng KHKTLN

Phần 5
CHÂN DUNG CÁN BỘ VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

5.1. CHÂN DUNG NGUYÊN LÃNH ĐẠO PHÒNG NCKTLS VÀ TRUNG TÂM ƯDKHKTLN

GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Lung
Nguyên Trưởng phòng NCKTLS

GS.TS. Nguyễn Xuân Quát
Nguyên Trưởng phòng NCKTLS

CN. Trần Ngọc Đang
Nguyên Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN

KS. Phạm Khôi Khoa
Nguyên Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN

KS. Phạm Đình Tam
Nguyên Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN

KS. Lê Văn Duyệt
P. Giám đốc Trung tâm ƯDKHKTLN

5.2. CHÂN DUNG LÃNH ĐẠO VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

PGS.TS. Trần Văn Con
Nguyên Q.Viện trưởng

PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn
Viện trưởng

ThS. Lại Thanh Hải
Phó Viện trưởng

TS. Phan Minh Sáng
Phó Viện trưởng

TS. Trần Lâm Đồng
Phó Viện trưởng

5.3. CHÂN DUNG LÃNH ĐẠO CÁC BỘ PHẬN TRỰC THUỘC VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

KS. Đinh Văn Ba
Trưởng phòng TCHC

ThS. Nguyễn Toàn Thắng
Trưởng phòng KHTC

CN. Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng
Phó Trưởng phòng KHTC

TS. Đặng Thịnh Triều
Trưởng Bộ môn KTLS

TS. Lưu Cảnh Trung
PTBM. PT. Bộ môn NCĐT & QHR

ThS. Trần Đức Mạnh
GĐ Trung tâm

CN. Hoàng Thanh Sơn
PTBM. PT. Bộ môn TN TVR

ThS. Phạm Đình Sâm
PTBM. PTBM. Nông lâm kết hợp

ThS. Phạm Quang Tuyến
PTBM. PTBM. Lâm học

ThS. Cao Chí Khiêm
Phó Trưởng phòng KHTC

ThS. Bùi Kiều Hưng
PGĐ Trung tâm

ThS. Vũ Tiến Lâm
Nghiên cứu viên
Bí thư Đoàn Thanh niên

CN. Đỗ Văn Thọ
Kế toán trưởng Trung tâm
Trưởng phòng Tổng hợp TT

KS. Trần Ngọc Tuệ
TP. Chuyển giao CN Trung tâm

KS. Lê Thị Bích Thảo
PTP. Tổng hợp Trung tâm

5.4. CHÂN DUNG CBVC&NLĐ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

TS. Đặng Văn Thuyết
Nghiên cứu viên

TS. Trần Văn Đô
Nghiên cứu viên

ThS. Triệu Thái Hưng
Nghiên cứu viên

TS. Nguyễn Văn Thịnh
Nghiên cứu viên

ThS. Nguyễn Quang Hưng
Nghiên cứu viên

ThS. Lý Thị Thanh Huyền
Nghiên cứu viên

ThS. Bùi Thanh Hằng
Nghiên cứu viên

CN. Trịnh Ngọc Bon
Nghiên cứu viên

ThS. Nguyễn Thanh Sơn
Nghiên cứu viên

ThS. Ninh Việt Khương
Nghiên cứu viên

ThS. Phạm Minh Quang
Nghiên cứu viên

ThS. Nguyễn Thị Thùy
Nghiên cứu viên

ThS. Lương Thị Cẩm Chi
Nghiên cứu viên

ThS. Nguyễn Văn Bích
Nghiên cứu viên

ThS. Trần Cao Nguyên
Nghiên cứu viên

KS. Hoàng Thị Nhung
Nghiên cứu viên

KS. Trần Anh Hải
Nghiên cứu viên

KS. Nguyễn Thị Vân Anh
Nghiên cứu viên

KS. Lê Văn Quang
Nghiên cứu viên

ThS. Phạm Đôn
Nghiên cứu viên

KS. Nguyễn Thị Phương
Nghiên cứu viên

CĐ. Đỗ Hoàng Hà
Kế toán viên

Nguyễn Huy Trường
Nhân viên

KS. Phan Thị Luyến
Nghiên cứu viên

Đỗ Anh Dũng
Nhân viên

ThS. Hồ Trung Lương
Nghiên cứu viên

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hường
Nghiên cứu viên

ThS. Hoàng Văn Thành
Nghiên cứu viên

ThS. Phạm Tiến Dũng
Nghiên cứu viên

ThS. Nguyễn Kim Trung
Nghiên cứu viên

KS. Cao Văn Lạng
Phục vụ công tác nghiên cứu

ThS. Dương Văn Trung
Phục vụ công tác nghiên cứu

ThS. Trần Hoàng Quý
Phục vụ công tác nghiên cứu

ThS. Lê Thị Hạnh
Phục vụ công tác nghiên cứu

ThS. Nguyễn Huy Hoàng
Phục vụ công tác nghiên cứu

CN. Nguyễn Thị Xuân Mai
Phục vụ công tác TCHC

ThS. Đỗ Thị Thanh Hà
Phục vụ công tác nghiên cứu

KS. Phạm Quang Vinh
Phục vụ công tác nghiên cứu

KS. Nguyễn Thị Thu Phương
Phục vụ công tác nghiên cứu

ThS. Đào Thị Huyền
Phục vụ công tác nghiên cứu

KS. Đinh Hải Đăng
Phục vụ công tác nghiên cứu

KS. Nguyễn Thùy Linh
Phục vụ công tác nghiên cứu

Phần 6
MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH

Mô hình rừng trồng Phi lao
cố định cát di động tại Quảng Bình

Thí nghiệm bón phân rừng trồng Keo lai

Điều tra rừng Tràm

Nghiên cứu sinh khối rễ cám
dưới mặt đất rừng tự nhiên tại Sơn La

Rừng Khộp - Vườn Quốc gia Yok Đôn

Rừng Khộp - Vườn Quốc gia Yok Đôn

Rừng thường xanh ở Kon Hà Nừng

Phục hồi rừng Luồng thoái hóa ở Thanh Hóa

KỶ YẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU LÂM SINH
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Kỷ niệm 54 năm ngày thành lập đơn vị tiền thân (9/1961-9/2015)
Và 3 năm thành lập Viện Nghiên cứu Lâm sinh (12/2012-12/2015)
(Lưu hành nội bộ)